

Số: 846/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 1 năm học 2021 – 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05/04/2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong ĐHQG-HCM;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 23/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 07/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xét cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 18/06/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xét cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-ĐHKTL ngày 25/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-ĐHKTL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân tài năng hệ đại học chính quy giai đoạn 2018-2022;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-ĐHKTL ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc thành lập Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập sinh viên năm học 2021-2022;



Theo kết luận của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách sinh viên hệ đại học chính quy được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 như sau:

- Lớp đại trà (K18 - K19 - K20):	295 SV
- Lớp đại trà (K21):	100 SV
- Lớp Chất lượng cao:	557 SV
- Lớp Chất lượng cao bằng tiếng Anh:	101 SV
- Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp:	05 SV

Tổng cộng: 1058 SV

(Danh sách và mức học bổng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Công tác sinh viên, các Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV



Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP ĐẠI TRÀ K18-K19-K20)**

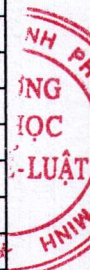
Ban hành kèm Quyết định số: 846/QĐ-ĐHKTL ngày 11 tháng 7 năm 2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K184010026	Chu Thị Mai	Linh	K18401	Giỏi	8.83	82	18	5,990,000
2	K184010052	Đào Thị	Thắm	K18401	Giỏi	8.67	84	18	5,990,000
3	K184010001	Nông Thị Tuyết	Anh	K18401	Giỏi	8.66	84	19	5,990,000
4	K184010059	Lê Xuân	Tiến	K18401	Giỏi	8.6	83	15	5,990,000
5	K184010066	Triệu Thị	Tươi	K18401	Giỏi	8.6	81	15	5,990,000
6	K184020194	Lê Thị Trường	An	K18402	Giỏi	8.5	85	12	5,990,000
7	K184020132	Lê Mạnh	Hùng	K18402	Giỏi	8.34	85	22	5,990,000
8	K184020186	Nguyễn Tân	Trọng	K18402	Giỏi	8.3	83	15	5,990,000
9	K184020188	Nguyễn Ngọc Khả	Tú	K18402	Giỏi	8.28	81	18	5,990,000
10	K184020117	Phan Thị Mỹ	Duyên	K18402	Khá	7.93	70	20	5,445,000
11	K184020125	Nguyễn Thị Tuyết	Hoanh	K18402	Khá	7.4	80	15	5,445,000
12	K184020158	Trương Hoàng	Nhi	K18402	Khá	7.38	75	16	5,445,000
13	K184030246	Trương Thị Mỹ	Duyên	K18403	Giỏi	8.63	80	12	5,990,000
14	K184030248	Nguyễn Thị Kim	Hai	K18403	Giỏi	8.5	88	12	5,990,000
15	K184030303	Bùi Thị Khánh	Vy	K18403	Giỏi	8.2	84	15	5,990,000
16	K184030242	Phạm Thị	Cúc	K18403	Khá	7.59	74	17	5,445,000
17	K184030240	Trần Minh	Chiến	K18403	Khá	7.5	82	16	5,445,000
18	K184030254	Trần Thị Phương	Hoa	K18403	Khá	7.42	81	19	5,445,000
19	K184040416	Vũ Thị Kiều	Diễm	K18404	Giỏi	8.6	86	15	5,990,000
20	K184040434	Lê Thị Tuyết	Nhung	K18404	Giỏi	8.6	86	15	5,990,000
21	K184040435	Đỗ Thị Quỳnh	Như	K18404	Giỏi	8.58	82	18	5,990,000
22	K184040461	Phạm Nguyễn Ngọc	Tuyền	K18404	Giỏi	8.3	85	15	5,990,000
23	K184040469	Nguyễn Tường	Vy	K18404	Giỏi	8.3	81	15	5,990,000
24	K184040344	Hoàng Thị Vân	Anh	K18404	Giỏi	8.29	85	17	5,990,000
25	K184040382	Lê Hồng	Nhung	K18404	Giỏi	8.25	81	18	5,990,000
26	K184050557	Nguyễn Hồng Mỹ	Duyên	K18405	Giỏi	8.7	86	15	5,990,000
27	K184050582	Nguyễn Xuân	Mai	K18405	Giỏi	8.7	83	15	5,990,000
28	K184050625	Nguyễn Mai Tường	Vy	K18405	Giỏi	8.7	83	15	5,990,000
29	K184050565	Trần Thị Diệu	Hiền	K18405	Giỏi	8.6	88	15	5,990,000
30	K184050602	Nguyễn Thị	Thảo	K18405	Giỏi	8.6	82	15	5,990,000
31	K184050617	Trần Lam	Trường	K18405	Giỏi	8.5	86	15	5,990,000
32	K184060710	Nguyễn Thị Lệ	Giang	K18406	Giỏi	8.9	96	10	5,990,000
33	K184060726	Nguyễn Hoàng	Lâm	K18406	Giỏi	8.9	89	10	5,990,000
34	K184060711	Hồ Thị	Hải	K18406	Giỏi	8.9	80	10	5,990,000
35	K184060707	Đặng Dương Gia	Bảo	K18406	Giỏi	8.8	92	10	5,990,000
36	K184060718	Ngô Thị Thu	Hương	K18406	Giỏi	8.8	87	10	5,990,000
37	K184070900	Trần Công	Vinh	K18407	Giỏi	8.57	85	14	5,990,000
38	K184070878	Di Nhật	Tân	K18407	Khá	7.92	77	18	5,445,000
39	K184070875	Lê Chí	Tâm	K18407	Khá	7.85	81	17	5,445,000
40	K184070901	Trần Thảo	Vy	K18407	Khá	7.82	81	14	5,445,000
41	K184070921	Trịnh Xuân	Nam	K18407	Khá	7.38	75	17	5,445,000
42	K184081015	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	K18408	Giỏi	9.3	81	10	5,990,000
43	K184081040	Trương Thị Ngọc	Trâm	K18408	Giỏi	8.55	84	10	5,990,000
44	K184081051	Phạm Thị	Vân	K18408	Giỏi	8.55	80	10	5,990,000
45	K184080993	Phạm Thị Thanh	Hằng	K18408	Giỏi	8.5	81	10	5,990,000

45

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
46	K184080981	Đỗ Ngọc Trâm	Anh	K18408	Giỏi	8.37	85	15	5,990,000
47	K184081021	Phùng Quang	Nhu	K18408	Giỏi	8.16	80	16	5,990,000
48	K184081003	Phạm Nguyễn	Lệ	K18408	Khá	7.32	80	19	5,445,000
49	K184091141	Đặng Trần Thảo	Duyên	K18409	Giỏi	8.9	90	15	5,990,000
50	K184091202	Lê Nguyễn Thục	Trinh	K18409	Giỏi	8.7	86	15	5,990,000
51	K184091169	Trần Thị	Ngân	K18409	Giỏi	8.6	83	15	5,990,000
52	K184091171	Lê Thị Bích	Nguyệt	K18409	Giỏi	8.6	81	15	5,990,000
53	K184091157	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh	K18409	Giỏi	8.5	88	15	5,990,000
54	K184091194	Phan Thị Như	Thoa	K18409	Giỏi	8.5	84	15	5,990,000
55	K184101258	Huỳnh Minh Trúc	Hà	K18410	Khá	7.7	75	10	5,445,000
56	K184101263	Hoàng Thị Thanh	Huyền	K18410	Khá	7.63	72	15	5,445,000
57	K184101256	Lê Thị Kiều	Duyên	K18410	Khá	7.5	78	10	5,445,000
58	K184101289	Nguyễn Thị Tú	Quyên	K18410	Khá	7.45	72	10	5,445,000
59	K184101313	Lê Hà	Vy	K18410	Khá	7.4	87	10	5,445,000
60	K184111366	Lê Hường	Dương	K18411	Khá	8	76	10	5,445,000
61	K184111379	Phạm Nhã	Linh	K18411	Khá	8	71	9	5,445,000
62	K184111383	Lê Thị Kiều	Ly	K18411	Khá	7.83	72	9	5,445,000
63	K184111367	Trịnh Công	Đạo	K18411	Khá	7.67	72	9	5,445,000
64	K184111385	Lại Thị Thu	Mãi	K18411	Khá	7.38	70	12	5,445,000
65	K184040445	Đào Hữu	Thạch	K18412	Giỏi	8.46	95	14	5,990,000
66	K184040456	Nguyễn Thị Hà	Trinh	K18412	Giỏi	8.29	85	17	5,990,000
67	K184040353	Đình Quốc	Đàm	K18412	Giỏi	8.15	86	17	5,990,000
68	K184131488	Trần Phương	Linh	K18413	Giỏi	8.58	90	20	5,990,000
69	K184131493	Hoàng Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	K18413	Giỏi	8.03	83	20	5,990,000
70	K184131484	Nguyễn Việt	Hoàng	K18413	Khá	8.07	79	15	5,445,000
71	K185011583	Lê Thị Quế	Trân	K18501	Giỏi	9.2	86	10	5,990,000
72	K185011578	Nguyễn Thương	Thư	K18501	Giỏi	8.8	87	10	5,990,000
73	K185011577	Hoàng Thị Thanh	Thư	K18501	Giỏi	8.5	86	10	5,990,000
74	K185011520	Đỗ Kim	Chi	K18501	Giỏi	8.2	84	10	5,990,000
75	K185011541	Quách Nữ Gia	Lâm	K18501	Giỏi	8.1	85	10	5,990,000
76	K185011550	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	K18501	Khá	7.87	76	15	5,445,000
77	K185011535	Nguyễn Thị Bích	Hồng	K18501	Khá	7.05	71	21	5,445,000
78	K185021692	Võ Thị Thanh	Thảo	K18502	Giỏi	8.1	86	10	5,990,000
79	K185021699	Bùi Thị Quỳnh	Trang	K18502	Khá	8.55	79	10	5,445,000
80	K185021658	Nguyễn Thảo	Linh	K18502	Khá	8.28	79	20	5,445,000
81	K185031797	Thân Thị Thúy	Như	K18503	Giỏi	8.61	80	14	5,990,000
82	K185031780	Hà Thị Ngọc	Lê	K18503	Giỏi	8.39	83	14	5,990,000
83	K185031779	Nguyễn Thị Lan	Hương	K18503	Giỏi	8.29	80	17	5,990,000
84	K185031794	Trần Yên	Nhi	K18503	Giỏi	8.23	81	15	5,990,000
85	K185031782	Đào Thị	Long	K18503	Giỏi	8.22	85	18	5,990,000
86	K185041920	Trần Nhã	Uyên	K18504	Khá	7.82	80	19	5,445,000
87	K185041916	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K18504	Khá	7.82	76	19	5,445,000
88	K185041912	Nguyễn Thị Minh	Thư	K18504	Khá	7.82	76	17	5,445,000
89	K185041876	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	K18504	Khá	7.72	76	27	5,445,000
90	K185041902	Đỗ Thị Phương	Thảo	K18504	Khá	7.68	73	17	5,445,000
91	K194010015	Nguyễn Thị	Hằng	K19401	Xuất sắc	9.23	98	20	6,590,000
92	K194010041	Trần Thị Kim	Quyên	K19401	Xuất sắc	9.06	98	17	6,590,000
93	K194010008	Lê Đào Mộng	Duy	K19401	Xuất sắc	9.05	92	22	6,590,000
94	K194010031	Vũ Thị Kim	Ngân	K19401	Xuất sắc	9.03	98	20	6,590,000
95	K194010033	Phạm Hoàng Trúc	Nguyên	K19401	Xuất sắc	9	95	21	6,590,000
96	K194010068	Phan Sỹ Phước	Trung	K19401	Giỏi	9.38	87	17	5,990,000
97	K194020184	Lê Vũ Huyền	Trang	K19402	Giỏi	8.95	95	19	5,990,000
98	K194020181	Phạm Thị Minh	Thư	K19402	Giỏi	8.92	91	19	5,990,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
99	K194020123	Lê Thị Ngọc	Ánh	K19402	Giỏi	8.91	93	16	5,990,000
100	K194020143	Nguyễn Hiếu	Huân	K19402	Giỏi	8.84	90	16	5,990,000
101	K194020172	Đào Dương	Phụng	K19402	Giỏi	8.81	96	16	5,990,000
102	K194020141	Phan Thị	Hòa	K19402	Giỏi	8.81	90	21	5,990,000
103	K194030286	Tôn Nữ Lê	Hân	K19403	Xuất sắc	9.17	98	18	6,590,000
104	K194030326	Nguyễn Thị Hà	Trang	K19403	Xuất sắc	9.12	100	21	6,590,000
105	K194030287	Nguyễn Thị Bích	Hiền	K19403	Xuất sắc	9.08	95	24	6,590,000
106	K194030296	Lê Thị Yên	Linh	K19403	Giỏi	8.98	92	24	5,990,000
107	K194030313	Đỗ Thị Mỹ	Quyên	K19403	Giỏi	8.88	91	24	5,990,000
108	K194040434	Lê Thị Hồng	Thắm	K19404	Xuất sắc	9.25	90	20	6,590,000
109	K194040480	Nguyễn Lê Bảo	Hân	K19404	Giỏi	9	89	21	5,990,000
110	K194040519	Trương Thị Mai	Trình	K19404	Giỏi	8.79	92	17	5,990,000
111	K194040498	Phạm Hoàng Kim	Ngân	K19404	Giỏi	8.75	97	20	5,990,000
112	K194040402	Phan Nhật	Hào	K19404	Giỏi	8.7	83	15	5,990,000
113	K194040437	Nguyễn Thị Ninh	Thoa	K19404	Giỏi	8.65	87	17	5,990,000
114	K194050684	Trương Cẩm	Tú	K19405	Giỏi	9.3	88	15	5,990,000
115	K194050668	Nguyễn Thị Thu	Thủy	K19405	Giỏi	8.93	84	21	5,990,000
116	K194050618	Phạm Kiều	Diễm	K19405	Giỏi	8.87	86	19	5,990,000
117	K194050672	Trần Ngọc Anh	Thư	K19405	Giỏi	8.86	97	25	5,990,000
118	K194050685	Đàm Thị Thu	Uyên	K19405	Giỏi	8.8	85	28	5,990,000
119	K194050647	Trần Thị Thanh	Ngà	K19405	Giỏi	8.79	83	19	5,990,000
120	K194060779	Nguyễn Lê Mỹ	Hạnh	K19406	Giỏi	8.74	94	17	5,990,000
121	K194060818	Vũ Thị Thu	Thảo	K19406	Giỏi	8.65	94	23	5,990,000
122	K194060777	Nguyễn Thị Thùy	Dương	K19406	Giỏi	8.62	91	17	5,990,000
123	K194060814	Lê Minh	Tân	K19406	Giỏi	8.58	91	19	5,990,000
124	K194060825	Trương Thị Thanh	Thư	K19406	Giỏi	8.5	86	17	5,990,000
125	K194070937	Trần Ngọc Dạ	Thảo	K19407	Giỏi	8.98	86	23	5,990,000
126	K194070929	Võ Phan Trọng	Nhân	K19407	Giỏi	8.97	83	16	5,990,000
127	K194070923	Lê Hữu Di	Mi	K19407	Giỏi	8.9	87	20	5,990,000
128	K194070933	Trần Tấn	Tài	K19407	Giỏi	8.88	95	24	5,990,000
129	K194070910	Phạm Minh	Huyền	K19407	Giỏi	8.88	82	16	5,990,000
130	K194070895	Huỳnh Thanh	Đạt	K19407	Giỏi	8.84	87	25	5,990,000
131	K194081113	Nguyễn Khánh	Thư	K19408	Xuất sắc	9.08	91	18	6,590,000
132	K194081050	Cao Thị Ngọc	Ánh	K19408	Xuất sắc	9.07	90	22	6,590,000
133	K194081062	Lê Thanh	Hải	K19408	Xuất sắc	9	95	16	6,590,000
134	K194081094	Tô Thị Hồng	Nhung	K19408	Giỏi	9.08	89	19	5,990,000
135	K194081099	Lê Minh	Quang	K19408	Giỏi	9.06	81	16	5,990,000
136	K194081122	Lê Hồng	Vân	K19408	Giỏi	8.95	87	20	5,990,000
137	K194091304	Trần Phương	Thảo	K19409	Giỏi	9.35	89	17	5,990,000
138	K194091261	Lê Thị Ngọc	Hà	K19409	Giỏi	8.93	90	20	5,990,000
139	K194091257	Lê Văn	Cường	K19409	Giỏi	8.88	90	20	5,990,000
140	K194091291	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K19409	Giỏi	8.88	85	20	5,990,000
141	K194091299	Nguyễn Chí	Tân	K19409	Giỏi	8.85	90	17	5,990,000
142	K194091269	Lê Thị Ngọc	Hương	K19409	Giỏi	8.76	93	17	5,990,000
143	K194101433	Lê Hoàng	Việt	K19410	Giỏi	8.9	84	21	5,990,000
144	K194101411	Nguyễn Văn	Quyên	K19410	Giỏi	8.82	94	19	5,990,000
145	K194101376	Lê Ngọc Như	Hào	K19410	Giỏi	8.81	83	21	5,990,000
146	K194101410	Phan Thị	Quyên	K19410	Giỏi	8.61	91	19	5,990,000
147	K194101418	Nguyễn Danh	Thuận	K19410	Giỏi	8.58	86	20	5,990,000
148	K194101426	Phạm Minh	Tuấn	K19410	Giỏi	8.55	83	19	5,990,000
149	K194111519	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K19411	Giỏi	8.76	93	17	5,990,000
150	K194111563	Võ Thị Như	Quỳnh	K19411	Giỏi	8.74	88	17	5,990,000
151	K194111582	Mai Thị Thu	Trang	K19411	Giỏi	8.65	88	17	5,990,000



5

Handwritten signature.

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
152	K194111593	Trần Thị Minh	Xuân	K19411	Giỏi	8.56	86	17	5,990,000
153	K194111543	Tạ Nguyễn Phú	Lộc	K19411	Giỏi	8.53	89	20	5,990,000
154	K194111526	Nguyễn Thành	Công	K19411	Giỏi	8.53	85	17	5,990,000
155	K194040509	Lưu Dạ	Thảo	K19412	Giỏi	8.74	88	17	5,990,000
156	K194040422	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K19412	Giỏi	8.7	84	15	5,990,000
157	K194040447	Lê Nguyễn Phương	Trâm	K19412	Giỏi	8.68	92	17	5,990,000
158	K194040499	Cao Văn	Nhân	K19412	Giỏi	8.62	93	17	5,990,000
159	K194040479	Phạm Mỹ	Hạnh	K19412	Giỏi	8.56	88	17	5,990,000
160	K194131674	Phương Thị Ngọc	Minh	K19413	Xuất sắc	9.32	92	19	6,590,000
161	K194131697	Vũ Đức Ngọc	Thiện	K19413	Xuất sắc	9.31	93	24	6,590,000
162	K194131712	Phạm Thị Thảo	Vi	K19413	Xuất sắc	9.05	93	22	6,590,000
163	K194131678	Nguyễn Thị Phương	Nga	K19413	Xuất sắc	9.03	99	17	6,590,000
164	K194131672	Nguyễn Thị	Mai	K19413	Giỏi	8.97	93	15	5,990,000
165	K194131685	Phan Thị	Nhị	K19413	Giỏi	8.68	98	31	5,990,000
166	K194151764	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	K19415	Xuất sắc	9.13	95	16	6,590,000
167	K194151775	Dương Thị Hồng	Mai	K19415	Xuất sắc	9.03	91	16	6,590,000
168	K194151822	Nguyễn Lê Như	Ý	K19415	Xuất sắc	9	92	16	6,590,000
169	K194151813	Trần Thị Mỹ	Trình	K19415	Giỏi	9.06	85	17	5,990,000
170	K194151807	Nguyễn Tấn	Trãi	K19415	Giỏi	8.97	86	17	5,990,000
171	K195011825	Nguyễn Quang	Anh	K19501	Giỏi	8.62	81	17	5,990,000
172	K195011861	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	K19501	Giỏi	8.55	91	21	5,990,000
173	K195011900	Đinh Thị Tường	Vi	K19501	Giỏi	8.5	87	21	5,990,000
174	K195011902	Ngô Trúc Tường	Vy	K19501	Giỏi	8.42	89	19	5,990,000
175	K195011852	Võ Thị Thanh	Mai	K19501	Giỏi	8.39	89	23	5,990,000
176	K195011847	Nguyễn Thị Thúy	Linh	K19501	Giỏi	8.39	81	22	5,990,000
177	K195021995	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	K19502	Giỏi	8.74	88	23	5,990,000
178	K195022015	Đỗ Thị Thanh	Trúc	K19502	Giỏi	8.67	92	24	5,990,000
179	K195021998	Hà Thị Thanh	Thanh	K19502	Giỏi	8.66	91	19	5,990,000
180	K195021993	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	K19502	Giỏi	8.5	88	23	5,990,000
181	K195021979	Mai Hồng Đông	Nguyên	K19502	Giỏi	8.48	90	21	5,990,000
182	K195022009	Tạ Ngọc Thu	Trang	K19502	Giỏi	8.45	88	21	5,990,000
183	K195032108	Trần Xuân	Hằng	K19503	Xuất sắc	9.05	91	22	6,590,000
184	K195032140	Nguyễn Xuân	Quân	K19503	Giỏi	9	83	19	5,990,000
185	K195032126	Nguyễn Trung	Nghĩa	K19503	Giỏi	8.94	94	25	5,990,000
186	K195032163	Nguyễn Quốc	Vinh	K19503	Giỏi	8.93	80	20	5,990,000
187	K195032143	Nguyễn Thảo	Quỳnh	K19503	Giỏi	8.79	95	19	5,990,000
188	K195042222	Cáp Thị Thu	Hiền	K19504	Giỏi	8.35	93	24	5,990,000
189	K195042211	Đào Quốc	Cường	K19504	Giỏi	8.34	88	16	5,990,000
190	K195042215	Nguyễn Thị	Duyên	K19504	Giỏi	8.34	85	19	5,990,000
191	K195042216	Nguyễn Thị Ánh	Dương	K19504	Giỏi	8.33	84	24	5,990,000
192	K195042268	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	K19504	Giỏi	8.28	82	18	5,990,000
193	K204010871	Hồ Thị Thúy	Hằng	K20401	Xuất sắc	9.18	100	20	6,590,000
194	K204010911	Lê Thị Thanh	Trúc	K20401	Xuất sắc	9.14	95	21	6,590,000
195	K204010900	Phùng Ngân	Tâm	K20401	Giỏi	9.14	88	21	5,990,000
196	K204010012	Nguyễn Thị Trúc	Phương	K20401	Giỏi	8.91	93	17	5,990,000
197	K204010903	Hà Lê Thanh	Thanh	K20401	Giỏi	8.9	95	21	5,990,000
198	K204010864	Phạm Thị Huyền	Diệu	K20401	Giỏi	8.88	100	21	5,990,000
199	K204020038	Dương Trung	Hiếu	K20402	Xuất sắc	9.2	92	20	6,590,000
200	K204020069	Nguyễn Tôn Thảo	Vy	K20402	Giỏi	8.85	90	20	5,990,000
201	K204020052	Đinh Hồng Cẩm	Phụng	K20402	Giỏi	8.82	91	22	5,990,000
202	K204020058	Nguyễn Thanh	Thức	K20402	Giỏi	8.79	97	19	5,990,000
203	K204020996	Nguyễn Tiến	Trung	K20402	Giỏi	8.79	86	17	5,990,000
204	K204020963	Nguyễn Ngọc	Diễm	K20402	Giỏi	8.78	89	16	5,990,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
205	K204031072	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K20403	Giỏi	8.76	90	23	5,990,000
206	K204031068	Nguyễn Duy	Tân	K20403	Giỏi	8.75	80	18	5,990,000
207	K204031042	Trương Xuân	Mỹ	K20403	Giỏi	8.55	90	21	5,990,000
208	K204031066	Phạm Hiếu	Sĩ	K20403	Giỏi	8.5	92	17	5,990,000
209	K204031055	Nguyễn Thị Thái	Như	K20403	Giỏi	8.5	91	15	5,990,000
210	K204031045	Lê Đào Linh	Nga	K20403	Giỏi	8.47	85	19	5,990,000
211	K204030155	Phạm Đỗ Diễm	Quỳnh	K20403	Giỏi	8.46	91	23	5,990,000
212	K204040195	Đỗ Phương	Nam	K20404A	Xuất sắc	9.05	93	22	6,590,000
213	K204041128	Chê Đặng Lan	Anh	K20404A	Giỏi	8.76	81	21	5,990,000
214	K204041134	Tạ Thị Thùy	Dương	K20404A	Giỏi	8.72	91	18	5,990,000
215	K204040185	Đinh Thị Thu	Hương	K20404A	Giỏi	8.66	90	16	5,990,000
216	K204041146	Lê Thị Nhất	Linh	K20404A	Giỏi	8.6	93	15	5,990,000
217	K204040178	Võ Anh	Diễm	K20404A	Giỏi	8.58	91	19	5,990,000
218	K204041222	Nguyễn Thị Thảo	Vy	K20404B	Xuất sắc	9	92	18	6,590,000
219	K204041185	Trần Thị Hoài	Phương	K20404B	Giỏi	8.98	92	21	5,990,000
220	K204041152	Nguyễn Đỗ Linh	Dung	K20404B	Giỏi	8.97	91	17	5,990,000
221	K204041199	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	K20404B	Giỏi	8.92	94	24	5,990,000
222	K204041165	Lâm Gia	Linh	K20404B	Giỏi	8.87	93	19	5,990,000
223	K204041169	Phạm Thị Kiều	My	K20404B	Giỏi	8.85	97	20	5,990,000
224	K204051302	Lê Nhật Đông	Kiều	K20405	Giỏi	8.76	91	17	5,990,000
225	K204051323	Trịnh Thị Kim	Trang	K20405	Giỏi	8.66	94	16	5,990,000
226	K204051329	Phạm Thu	Yên	K20405	Giỏi	8.58	90	18	5,990,000
227	K204051327	Phạm Thị Thanh	Tuyền	K20405	Giỏi	8.53	92	16	5,990,000
228	K204051292	Tăng Quốc	Bảo	K20405	Giỏi	8.47	91	16	5,990,000
229	K204061414	Tô Thị Thanh	Thảo	K20406	Xuất sắc	9	90	16	6,590,000
230	K204061404	Đinh Trần Xuân	Nguyên	K20406	Giỏi	8.93	93	23	5,990,000
231	K204060283	Phạm Ngọc	Hiên	K20406	Giỏi	8.86	92	21	5,990,000
232	K204060286	Lê Thành	Lâm	K20406	Giỏi	8.67	95	23	5,990,000
233	K204061418	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	K20406	Giỏi	8.64	92	21	5,990,000
234	K204070330	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	K20407	Xuất sắc	9	93	17	6,590,000
235	K204071462	Trần Đình Lê	Giang	K20407	Giỏi	8.91	90	22	5,990,000
236	K204070327	Nguyễn Hoàng	Phước	K20407	Giỏi	8.73	93	22	5,990,000
237	K204071467	Nguyễn Thị Thanh	Lam	K20407	Giỏi	8.65	93	17	5,990,000
238	K204071477	Phạm Thị Mỹ	Nương	K20407	Giỏi	8.6	83	15	5,990,000
239	K204071491	Trần	Tiến	K20407	Giỏi	8.55	80	22	5,990,000
240	K204080376	Vũ Ngọc	Mai	K20408	Xuất sắc	9.5	96	16	6,590,000
241	K204081557	Lương Quốc	Đô	K20408	Xuất sắc	9.3	94	15	6,590,000
242	K204081565	Ngô Thị Thanh	Hoài	K20408	Xuất sắc	9.06	92	18	6,590,000
243	K204080371	Phạm Nguyễn Hoài	Dy	K20408	Giỏi	8.97	90	18	5,990,000
244	K204080377	Nguyễn Thị Diễm	My	K20408	Giỏi	8.83	93	23	5,990,000
245	K204080374	Trần Nguyễn Ngọc	Khánh	K20408	Giỏi	8.75	87	18	5,990,000
246	K204091669	Phạm Lê Cẩm	Tú	K20409	Xuất sắc	9	93	24	6,590,000
247	K204091673	Bùi Thúy	Vy	K20409	Giỏi	8.94	98	16	5,990,000
248	K204091658	Lương Nguyễn Hoàng	Thanh	K20409	Giỏi	8.83	81	20	5,990,000
249	K204090464	Trương Đan	Khuê	K20409	Giỏi	8.58	89	18	5,990,000
250	K204091642	Bùi Thị	Huyền	K20409	Giỏi	8.55	85	20	5,990,000
251	K204101725	Mai Phương	Thảo	K20410	Giỏi	9.07	85	22	5,990,000
252	K204100512	Trương Thị Tuyết	Lâm	K20410	Giỏi	8.95	88	21	5,990,000
253	K204100535	Nguyễn Thị Thu	Vân	K20410	Giỏi	8.95	84	20	5,990,000
254	K204100506	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	K20410	Giỏi	8.75	85	26	5,990,000
255	K204101698	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	K20410	Giỏi	8.72	87	27	5,990,000
256	K204101730	Trần Bội Kim	Trang	K20410	Giỏi	8.69	84	18	5,990,000
257	K204111790	Phạm Ngọc	Trâm	K20411	Giỏi	8.93	92	20	5,990,000



45

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
258	K204110562	Lê Thảo	Giang	K20411	Giỏi	8.83	87	18	5,990,000
259	K204110586	Lê Phước	Toàn	K20411	Giỏi	8.8	90	23	5,990,000
260	K204110577	Nguyễn Thành	Nhân	K20411	Giỏi	8.77	92	24	5,990,000
261	K204111784	Lê Bùi Quỳnh	Như	K20411	Giỏi	8.75	90	18	5,990,000
262	K204111766	Đoàn Gia	Bảo	K20411	Giỏi	8.74	87	21	5,990,000
263	K204130617	Lê Quang	Bảo	K20413	Giỏi	9.17	85	30	5,990,000
264	K204131859	Hoàng Thị Thủy	Tiên	K20413	Giỏi	8.78	88	18	5,990,000
265	K204131851	Phan Thanh	Thành	K20413	Giỏi	8.77	92	22	5,990,000
266	K204131842	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K20413	Giỏi	8.75	94	22	5,990,000
267	K204131838	Nguyễn Thị Ái	Nhi	K20413	Giỏi	8.72	91	18	5,990,000
268	K204131827	Huỳnh Đức	Khải	K20413	Giỏi	8.61	83	19	5,990,000
269	K204151945	Ngô Thị Huỳnh	Hoa	K20415	Giỏi	8.85	91	17	5,990,000
270	K204151980	Trần Thị Mỹ	Tuyền	K20415	Giỏi	8.75	88	16	5,990,000
271	K204151940	Nguyễn Thanh Thoại	Anh	K20415	Giỏi	8.67	93	18	5,990,000
272	K204151976	Ngô Thị Ngọc	Trâm	K20415	Giỏi	8.66	86	16	5,990,000
273	K204150646	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	K20415	Giỏi	8.65	80	20	5,990,000
274	K205010857	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K20501	Xuất sắc	9.22	98	18	6,590,000
275	K205012046	Nguyễn Hồng	Thuận	K20501	Giỏi	8.98	90	21	5,990,000
276	K205010691	Nguyễn Ý Uyên	Phương	K20501	Giỏi	8.88	98	16	5,990,000
277	K205012024	Nông Thị	Hậu	K20501	Giỏi	8.83	86	18	5,990,000
278	K205010683	Nguyễn Trà	My	K20501	Giỏi	8.66	93	25	5,990,000
279	K205012017	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	K20501	Giỏi	8.63	86	16	5,990,000
280	K205020733	Bùi Đức	Dương	K20502	Xuất sắc	9.22	95	18	6,590,000
281	K205020745	Lê Trần Tuyết	Nhung	K20502	Xuất sắc	9.18	98	22	6,590,000
282	K205020730	Trần Hoàng	Châu	K20502	Giỏi	8.95	95	20	5,990,000
283	K205022078	Lê Ngọc Quế	Anh	K20502	Giỏi	8.82	95	22	5,990,000
284	K205020741	Lê Đoàn Mai	Linh	K20502	Giỏi	8.8	93	20	5,990,000
285	K205032153	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	K20503	Giỏi	8.83	93	23	5,990,000
286	K205032175	Nguyễn Phạm Hoàng	Vy	K20503	Giỏi	8.64	88	21	5,990,000
287	K205032144	Hồ Thị Tiểu	Nghi	K20503	Giỏi	8.57	89	21	5,990,000
288	K205032133	Nguyễn Ngọc	Hưng	K20503	Giỏi	8.55	88	22	5,990,000
289	K205032156	Phạm Thị Minh	Tâm	K20503	Giỏi	8.53	95	20	5,990,000
290	K205032152	Phạm Thanh	Phương	K20503	Giỏi	8.53	93	20	5,990,000
291	K205042214	Lê Đức	Công	K20504	Giỏi	8.77	91	22	5,990,000
292	K205042221	Hoàng Thu	Hiền	K20504	Giỏi	8.53	87	20	5,990,000
293	K205042247	Đỗ Thị Thanh	Thủy	K20504	Giỏi	8.5	93	22	5,990,000
294	K205042239	Nguyễn Thị Thanh	Phương	K20504	Giỏi	8.5	86	25	5,990,000
295	K205042245	Phạm Thị Thu	Thảo	K20504	Giỏi	8.42	94	25	5,990,000

Tổng cộng 295 SV

1,770,555,000

Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.CTSV

TRƯỞNG P.KH - TC

TM HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Võ Văn Trọng

Lưu Văn Lập



Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP ĐẠI TRÀ K21)**

Ban hành kèm Quyết định số: 846/QĐ-ĐHKTL ngày 11 tháng 7 năm 2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K214011393	Nguyễn Như	Hân	K21401	Xuất sắc	9.06	98	16	11,192,500
2	K214010024	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	K21401	Giỏi	8.93	92	21	10,175,000
3	K214011422	Nguyễn Võ Minh	Ánh	K21401	Giỏi	8.79	99	21	10,175,000
4	K214010005	Tô Hữu	Bằng	K21401	Giỏi	8.76	93	21	10,175,000
5	K214011392	Nguyễn Thu	Hà	K21401	Giỏi	8.67	92	21	10,175,000
6	K214010011	Lâm Bảo	Hân	K21401	Giỏi	8.67	87	21	10,175,000
7	K214020083	Đỗ Nguyễn Nhật	Linh	K21402	Giỏi	8.95	90	22	11,275,000
8	K214020109	Phạm Thị Phương	Uyên	K21402	Giỏi	8.89	83	22	11,275,000
9	K214020088	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	K21402	Giỏi	8.84	91	22	11,275,000
10	K214020098	Trần Thị Phương	Thùy	K21402	Giỏi	8.82	91	19	11,275,000
11	K214020084	Nguyễn Ngọc Cẩm	Ly	K21402	Giỏi	8.75	89	22	11,275,000
12	K214020091	Nguyễn Thị Ai	Nữ	K21402	Giỏi	8.71	91	19	11,275,000
13	K214031534	Võ Huỳnh Minh	Nguyệt	K21403	Giỏi	8.83	89	21	10,175,000
14	K214031545	Phan Ngọc	Thơ	K21403	Giỏi	8.55	87	21	10,175,000
15	K214031235	Lê Hoài Khánh	Vi	K21403	Giỏi	8.5	88	16	10,175,000
16	K214031538	Lê Như	Quỳnh	K21403	Giỏi	8.45	93	21	10,175,000
17	K214030208	Trần Thị	Tâm	K21403	Giỏi	8.38	93	21	10,175,000
18	K214031551	Trần Đỗ Phương	Uyên	K21403	Giỏi	8.38	87	16	10,175,000
19	K214040239	Trần Thanh	Hải	K21404A	Giỏi	8.69	81	21	10,175,000
20	K214040276	Nguyễn Ngọc Đoàn	Trang	K21404A	Giỏi	8.63	94	16	10,175,000
21	K214040252	Nguyễn Thảo	My	K21404A	Giỏi	8.62	96	21	10,175,000
22	K214040265	Thái Đức Bình	Quý	K21404A	Giỏi	8.57	93	21	10,175,000
23	K214040238	Nguyễn Chí	Hào	K21404A	Giỏi	8.48	98	21	10,175,000
24	K214041616	Nguyễn Thị Xuân	Tâm	K21404B	Xuất sắc	9.05	92	21	11,192,500
25	K214041591	Đặng Thị	Diễm	K21404B	Giỏi	8.88	80	21	10,175,000
26	K214041596	Trần Phạm Vĩnh	Hưng	K21404B	Giỏi	8.83	86	21	10,175,000
27	K214040290	Đặng Quang	Huy	K21404B	Giỏi	8.76	91	21	10,175,000
28	K214040294	Phạm Lâm	Vũ	K21404B	Giỏi	8.71	91	21	10,175,000
29	K214050336	Thái Minh	Châu	K21405	Giỏi	8.97	85	15	10,175,000
30	K214051682	Lê Thanh	Xuân	K21405	Giỏi	8.9	92	20	10,175,000
31	K214050354	Đinh Phạm Hoàng	Phúc	K21405	Giỏi	8.83	96	20	10,175,000
32	K214051665	Phạm Thị Thúy	Hằng	K21405	Giỏi	8.83	91	20	10,175,000
33	K214051249	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K21405	Giỏi	8.75	93	20	10,175,000
34	K214061744	Già Hoàng Nam	Phương	K21406	Giỏi	8.96	91	25	10,175,000
35	K214060406	Lê Bảo Phương	Nhi	K21406	Giỏi	8.92	90	25	10,175,000
36	K214060389	La Thế	Anh	K21406	Giỏi	8.84	96	25	10,175,000
37	K214061752	Nguyễn Quốc	Việt	K21406	Giỏi	8.74	92	25	10,175,000
38	K214060412	Trịnh Quốc	Thịnh	K21406	Giỏi	8.66	93	25	10,175,000
39	K214070474	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K21407	Giỏi	8.9	85	20	10,175,000
40	K214070450	Nguyễn Ngọc Hồng	Án	K21407	Giỏi	8.65	84	20	10,175,000
41	K214070466	Phan Nguyễn Thu	Nhi	K21407	Giỏi	8.6	93	20	10,175,000
42	K214070482	Trần Thanh	Thục	K21407	Giỏi	8.59	90	22	10,175,000
43	K214071775	Nguyễn Hồng	Lam	K21407	Giỏi	8.55	83	20	10,175,000
44	K214070484	Đinh Thị Thùy	Trang	K21407	Giỏi	8.5	89	15	10,175,000
45	K214080552	Lê Tấn	Thành	K21408	Giỏi	8.89	90	22	11,275,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
46	K214080557	Trịnh Minh Huyền	Trân	K21408	Giỏi	8.84	96	22	11,275,000
47	K214081285	Nguyễn Trần	Tiến	K21408	Giỏi	8.84	91	19	11,275,000
48	K214080558	Lê Vy Thùy	Uyên	K21408	Giỏi	8.75	92	24	11,275,000
49	K214080533	La Dĩ	Khang	K21408	Giỏi	8.75	90	22	11,275,000
50	K214090614	Nguyễn Nhật	Ánh	K21409	Giỏi	8.95	98	20	10,175,000
51	K214090628	Mạc Thị Thu	Ngọc	K21409	Giỏi	8.9	94	20	10,175,000
52	K214091881	Đàm Thị Thái	Thanh	K21409	Giỏi	8.83	94	20	10,175,000
53	K214090620	Nguyễn Ngọc Diễm	Kỳ	K21409	Giỏi	8.8	87	20	10,175,000
54	K214090638	Nguyễn Ngọc Khánh	Tiên	K21409	Giỏi	8.75	83	20	10,175,000
55	K214100673	Trần Thị Thùy	Dương	K21410	Xuất sắc	9.2	93	22	12,402,500
56	K214100681	Phạm Hồ Ngọc	Hân	K21410	Xuất sắc	9.15	93	20	12,402,500
57	K214100696	Trịnh Thị Hoàng	Lưu	K21410	Xuất sắc	9.15	92	20	12,402,500
58	K214100669	Phạm Thiên	Án	K21410	Xuất sắc	9.15	91	20	12,402,500
59	K214100689	Phạm Thị Thu	Hương	K21410	Xuất sắc	9.1	100	20	12,402,500
60	K214100692	Huỳnh Tấn	Liêm	K21410	Xuất sắc	9.08	93	20	12,402,500
61	K214111954	Đặng Thị Thanh	Trúc	K21411	Xuất sắc	9.1	100	25	12,402,500
62	K214111944	Võ Phạm Mai	Huế	K21411	Xuất sắc	9.1	92	25	12,402,500
63	K214110827	Nguyễn Anh	Tuấn	K21411	Xuất sắc	9.04	100	25	12,402,500
64	K214110818	Đặng Lê Như	Quỳnh	K21411	Giỏi	8.9	86	25	11,275,000
65	K214111955	Hồ Lê Thanh	Trúc	K21411	Giỏi	8.82	90	25	11,275,000
66	K214130910	Nguyễn Trương Tườn	Vy	K21413	Giỏi	8.57	91	15	10,175,000
67	K214130883	Phạm Nguyễn Khánh	Huy	K21413	Giỏi	8.4	92	15	10,175,000
68	K214130898	Ngô Thị Nguyễn	Nhu	K21413	Giỏi	8.35	84	20	10,175,000
69	K214131995	Huỳnh Hà Anh	Thư	K21413	Giỏi	8.25	94	20	10,175,000
70	K214130908	Phạm Thị Bích	Trình	K21413	Giỏi	8.25	91	22	10,175,000
71	K214142100	Trần Ý	Vy	K21414	Giỏi	8.69	94	21	10,175,000
72	K214142056	Trần Tất	Anh	K21414	Giỏi	8.64	92	25	10,175,000
73	K214142096	Nguyễn Minh	Tú	K21414	Giỏi	8.59	91	16	10,175,000
74	K214142059	Lê Hoa	Đào	K21414	Giỏi	8.52	94	21	10,175,000
75	K214152130	Nguyễn Võ Hồng	Thỏa	K21415	Giỏi	8.79	84	21	10,175,000
76	K214150963	Lê Thúy	An	K21415	Giỏi	8.71	96	21	10,175,000
77	K214152116	Đỗ Thị Mỹ	Hòa	K21415	Giỏi	8.67	91	21	10,175,000
78	K214150974	Cao Tuyết	Ngân	K21415	Giỏi	8.64	98	21	10,175,000
79	K215011023	Nguyễn Duy	Quang	K21501	Giỏi	9	88	21	10,175,000
80	K215011024	Đặng Phúc Cẩm	Quyên	K21501	Giỏi	8.88	91	21	10,175,000
81	K215011382	Trần Thị Oanh	Kiều	K21501	Giỏi	8.78	95	18	10,175,000
82	K215011016	Hồ Uyên	Nhi	K21501	Giỏi	8.76	94	19	10,175,000
83	K215011000	Phan Trần Hoài	Anh	K21501	Giỏi	8.72	97	18	10,175,000
84	K215012167	Trần Thị Mỹ	Duyên	K21501	Giỏi	8.65	95	23	10,175,000
85	K215021071	Huỳnh Trần	Kiên	K21502	Giỏi	8.68	100	19	10,175,000
86	K215021077	Hoàng Bích	Phượng	K21502	Giỏi	8.66	90	19	10,175,000
87	K215021356	Bùi Bảo	Tín	K21502	Giỏi	8.61	100	19	10,175,000
88	K215021087	Trần Thị Tường	Vy	K21502	Giỏi	8.61	93	19	10,175,000
89	K215021070	Phạm Trần Thiên	Hương	K21502	Giỏi	8.61	92	19	10,175,000
90	K215021065	Bùi Khiết	Đông	K21502	Giỏi	8.5	93	23	10,175,000
91	K215031118	Đỗ Minh	Khương	K21503	Xuất sắc	9.24	92	23	11,192,500
92	K215031135	Trần Lê Trọng	Văn	K21503	Xuất sắc	9.05	100	19	11,192,500
93	K215032263	Lê Nguyễn Ngọc	Hà	K21503	Giỏi	8.8	83	23	10,175,000
94	K215031362	Phan Gia	Thảo	K21503	Giỏi	8.47	99	16	10,175,000
95	K215032278	Trần Mai Yên	Như	K21503	Giỏi	8.37	80	19	10,175,000
96	K215041188	Trịnh Thị Mỹ	Tâm	K21504	Giỏi	8.63	86	19	10,175,000
97	K215041178	Lương Thị Thanh	Hương	K21504	Giỏi	8.53	90	19	10,175,000
98	K215042337	Nguyễn Phan Thu	Hằng	K21504	Giỏi	8.45	94	19	10,175,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
99	K215042356	Đoàn Thị Bích	Thom	K21504	Giỏi	8.33	88	21	10,175,000
100	K215041366	Huỳnh Hồng Thu	Giang	K21504	Giỏi	8.16	88	19	10,175,000

Tổng cộng 100 SV

1,055,917,500

Bảng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng chẵn

TP.HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỜNG P.CTSV

TRƯỜNG P.KH - TC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Ngọc Phương Thảo


Võ Văn Trọng


Lưu Văn Lập




Hoàng Công Gia Khánh



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO)**

Ban hành kèm Quyết định số: 846/QĐ-ĐHKTL ngày 11 tháng 7 năm 2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K184010082	Hoàng	Long	K18401C	Xuất sắc	9.5	90	15	14,000,000
2	K184010084	Phạm Thị	Luân	K18401C	Giỏi	8.5	81	21	7,000,000
3	K184010096	Đỗ Thị Diễm	Thương	K18401C	Giỏi	8.32	88	14	7,000,000
4	K184010076	Đinh Hữu	Huy	K18401C	Giỏi	8.18	80	19	3,500,000
5	K184020204	Nguyễn Thu	Hiền	K18402C	Giỏi	8.27	83	13	14,000,000
6	K184020228	Lê Nguyễn Ngọc	Trần	K18402C	Khá	7.88	80	12	7,000,000
7	K184020217	Nguyễn Thị Kiều	Mi	K18402C	Khá	7.13	80	12	7,000,000
8	K184030342	Trần Thị Diễm	Uyên	K18403C	Giỏi	9.13	85	12	7,000,000
9	K184030322	Hồ Thị Thùy	Na	K18403C	Giỏi	9	86	12	3,500,000
10	K184030343	Võ Kim	Vân	K18403C	Giỏi	8.88	88	12	3,500,000
11	K184030323	Trần Kim	Ngọc	K18403C	Giỏi	8.8	85	15	14,000,000
12	K184030313	Nguyễn Thùy	Dương	K18403C	Giỏi	8.63	81	12	3,500,000
13	K184030332	Lê Minh	Son	K18403C	Giỏi	8.07	80	14	7,000,000
14	K184040506	Lê Thị	Trọng	K18404C	Giỏi	9.13	84	12	3,500,000
15	K184040492	Trương Ngọc	Nhung	K18404C	Giỏi	8.88	85	12	3,500,000
16	K184040480	Nguyễn Ngọc Vân	Khánh	K18404C	Giỏi	8.88	84	12	3,500,000
17	K184040511	Trần Quang	Việt	K18404C	Giỏi	8.8	86	15	14,000,000
18	K184040497	Vũ Thụy Hồng	Phước	K18404C	Giỏi	8.8	83	15	7,000,000
19	K184040472	Bùi Thị Quỳnh	Dao	K18404C	Giỏi	8.6	83	15	7,000,000
20	K184050671	Lê Thị Tuyết	Hoa	K18404C	Giỏi	8.2	85	15	3,500,000
21	K184040504	Nguyễn Bách	Tiếp	K18404C	Khá	7.68	73	14	3,500,000
22	K184050648	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	K18405C	Giỏi	8.9	90	15	14,000,000
23	K184030285	Vũ Thị Mộng	Thùy	K18405C	Giỏi	8.8	84	15	7,000,000
24	K184050632	Nguyễn Hà	Chi	K18405C	Giỏi	8.7	85	15	7,000,000
25	K184050631	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	K18405C	Giỏi	8.3	82	15	3,500,000
26	K184050662	Lê Thái	Vy	K18405C	Giỏi	8.2	89	15	3,500,000
27	K184050633	Nguyễn Võ Quỳnh	Dao	K18405C	Giỏi	8.2	84	15	3,500,000
28	K184050634	Trần Thiện	Duy	K18405C	Giỏi	8.2	82	15	3,500,000
29	K184060794	Trần Huyền Mơ	Mơ	K18406C	Giỏi	8.7	84	10	14,000,000
30	K184060793	Nguyễn Trúc	Loan	K18406C	Giỏi	8.5	83	10	3,500,000
31	K184060812	Nguyễn Nho	Trung	K18406C	Giỏi	8.04	81	12	3,500,000
32	K184060779	Hoàng Nguyễn Minh	Du	K18406C	Khá	8.7	78	10	3,500,000
33	K184060795	Trương Thị Tuyết	Nga	K18406C	Khá	8.6	74	10	3,500,000
34	K184060803	Bùi Thị	Thảo	K18406C	Khá	8.23	73	11	3,500,000
35	K184060799	Trương Thành	Sang	K18406C	Khá	7.85	77	17	7,000,000
36	K184061975	Nguyễn Thành	Đạt	K18406C	Khá	7.6	88	15	7,000,000
37	K184070939	Trần Mạnh	Tiến	K18407C	Giỏi	8.7	84	15	14,000,000
38	K184070913	Phan Quang	Huy	K18407C	Khá	7	69	18	7,000,000
39	K184081067	Nguyễn Hữu Xuân	Lộc	K18408C	Giỏi	9.15	85	10	14,000,000
40	K184081089	Bùi Hoàng	Trung	K18408C	Giỏi	9.05	84	10	7,000,000
41	K184081060	Đặng Thùy	Dương	K18408C	Giỏi	8.58	87	13	7,000,000
42	K184081088	Trương Khả	Trần	K18408C	Giỏi	8.55	82	10	3,500,000
43	K184081074	Lê Bảo	Ngọc	K18408C	Giỏi	8.55	80	10	3,500,000
44	K184081087	Trần Vũ Ngọc	Trần	K18408C	Giỏi	8.54	82	13	3,500,000
45	K184081092	Hồ Thị Hải	Yên	K18408C	Giỏi	8.46	83	13	3,500,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
46	K184091227	Võ Đăng	Quang	K18409C	Xuất sắc	9	93	15	14,000,000
47	K184091213	Ngô Thùy	Giang	K18409C	Giỏi	8.92	89	18	7,000,000
48	K184091224	Mai Thị Thu	Ngân	K18409C	Giỏi	8.9	92	15	7,000,000
49	K184091215	Nguyễn Hoàng	Hải	K18409C	Giỏi	8.9	88	15	3,500,000
50	K184091217	Nguyễn Hoàng	Huy	K18409C	Giỏi	8.9	84	15	3,500,000
51	K184091230	Võ Thị	Sương	K18409C	Giỏi	8.8	84	15	3,500,000
52	K184091235	Nguyễn Quang	Thông	K18409C	Giỏi	8.8	82	15	3,500,000
53	K184091221	Lê Phan Nhật	Linh	K18409C	Giỏi	8.1	83	15	3,500,000
54	K184101347	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	K18410C	Khá	8.1	73	10	7,000,000
55	K184101334	Phạm Mai	Loan	K18410C	Khá	7.5	74	12	7,000,000
56	K184111470	Lê Huỳnh Tồ	Trân	K18411C	Giỏi	9.3	87	10	7,000,000
57	K184111442	Lê Trần Giản	Đon	K18411C	Giỏi	9.3	82	10	7,000,000
58	K184111467	Nguyễn Ngọc Uyên	Thư	K18411C	Giỏi	9.2	84	10	3,500,000
59	K184111443	Trần Thị Hồng	Gấm	K18411C	Giỏi	9	87	10	3,500,000
60	K184060762	Nguyễn Lê	Trân	K18411C	Giỏi	8.9	85	10	3,500,000
61	K184111461	Nguyễn Thị Anh	Thảo	K18411C	Giỏi	8.78	85	16	14,000,000
62	K184111450	Huỳnh Bảo	Ngọc	K18411C	Giỏi	8.7	83	10	3,500,000
63	K184111468	Võ Quỳnh	Tiên	K18411C	Giỏi	8.6	80	10	3,500,000
64	K185011611	Vũ Phạm Huyền	Mỹ	K18501C	Xuất sắc	9.25	93	14	14,000,000
65	K185011615	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	K18501C	Xuất sắc	9.21	93	14	7,000,000
66	K185011624	Huỳnh Đức	Thịnh	K18501C	Xuất sắc	9	98	12	7,000,000
67	K185011627	Huỳnh Lê Bảo	Trân	K18501C	Giỏi	9.35	81	10	3,500,000
68	K185011614	Nguyễn Minh	Ngọc	K18501C	Giỏi	9.09	85	11	3,500,000
69	K185011616	Phạm Nguyễn Thảo	Nguyên	K18501C	Giỏi	8.91	80	11	3,500,000
70	K185011628	Trần Quốc	Tuấn	K18501C	Giỏi	8	92	13	3,500,000
71	K185021721	Nguyễn Thị Hương	Giang	K18502C	Giỏi	8.15	88	10	14,000,000
72	K185021746	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K18502C	Giỏi	8	82	10	7,000,000
73	K185021716	Nhữ Ngọc Trâm	Anh	K18502C	Khá	8.35	76	10	3,500,000
74	K185021733	Nguyễn Lê Thanh	Ngọc	K18502C	Khá	8.1	69	10	3,500,000
75	K185021745	Bùi Thủy	Tiên	K18502C	Khá	8	79	15	7,000,000
76	K185021734	Võ Quỳnh Phương	Nguyên	K18502C	Khá	7.85	71	10	3,500,000
77	K185031828	Phan Thị Lan	Hương	K18503C	Khá	8.13	76	16	7,000,000
78	K185031833	Đỗ Thành	Long	K18503C	Khá	7.75	65	14	7,000,000
79	K185031846	Trần Quốc	Thuần	K18503C	Khá	7.61	71	14	3,500,000
80	K185031823	Lê Ngọc	Hải	K18503C	Khá	7.54	70	14	3,500,000
81	K185041955	Trần Ngọc Đan	Trâm	K18504C	Giỏi	9.29	86	12	3,500,000
82	K185041946	Trần Thị Minh	Phương	K18504C	Giỏi	9.05	86	20	14,000,000
83	K185041938	Trần Hà	My	K18504C	Giỏi	8.63	89	12	3,500,000
84	K185041954	Trần Ngọc Thủy	Tiên	K18504C	Giỏi	8.54	84	14	7,000,000
85	K185041940	Tạ Quang	Nam	K18504C	Giỏi	8	83	21	7,000,000
86	K185041945	Nguyễn Thị Thanh	Phương	K18504C	Khá	8.43	72	14	3,500,000
87	K185041923	Hoàng	Anh	K18504C	Khá	8.23	72	20	3,500,000
88	K194151796	Trần Dũng	Thanh	K19401C	Xuất sắc	9.22	93	16	12,500,000
89	K194010108	Huỳnh Thị Minh	Thảo	K19401C	Xuất sắc	9.06	98	17	6,250,000
90	K194010078	Trần Vĩ	An	K19401C	Giỏi	9.3	89	23	6,250,000
91	K194010079	Lê Gia	Anh	K19401C	Giỏi	8.97	94	17	3,125,000
92	K194010114	Nguyễn Hoàng	Vân	K19401C	Giỏi	8.93	95	14	3,125,000
93	K194010101	Trần Lam	Luyến	K19401C	Giỏi	8.93	93	14	3,125,000
94	K194010117	Võ Thị Thảo	Vy	K19401C	Giỏi	8.79	84	19	3,125,000
95	K194010102	Bùi Thị Hiền	Lương	K19401C	Giỏi	8.74	96	21	3,125,000
96	K194020206	Nguyễn Thái Thanh	Mai	K194021C	Xuất sắc	9.16	93	16	12,500,000
97	K194020204	Trần Bảo	Khanh	K194021C	Giỏi	8.82	98	19	6,250,000
98	K194020229	Đặng Thị Bích	Trí	K194021C	Giỏi	8.78	93	16	6,250,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
99	K194020225	Nguyễn Bảo	Trâm	K194021C	Giỏi	8.72	93	16	3,125,000
100	K194020221	Lê Thị	Thịnh	K194021C	Giỏi	8.69	88	16	3,125,000
101	K194020228	Trịnh Nữ Phương	Trinh	K194021C	Giỏi	8.59	95	16	3,125,000
102	K194020199	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	K194021C	Giỏi	8.59	94	16	3,125,000
103	K194070945	Phan Trịnh Hoài	Thương	K194021C	Giỏi	8.59	86	16	3,125,000
104	K194020242	Đường Công	Danh	K194022C	Giỏi	8.97	90	19	12,500,000
105	K194020259	Lê Nguyễn Phương	Nhi	K194022C	Giỏi	8.89	91	22	6,250,000
106	K194020264	Phan Thị	Thùy	K194022C	Giỏi	8.67	90	15	6,250,000
107	K194020237	Lê Minh	Anh	K194022C	Giỏi	8.59	94	16	3,125,000
108	K194020246	Trần Phúc	Hân	K194022C	Giỏi	8.58	89	19	3,125,000
109	K194020268	Nguyễn Thị Huyền	Trân	K194022C	Giỏi	8.5	93	16	3,125,000
110	K194020239	Ngô Ngọc Linh	Chi	K194022C	Giỏi	8.34	97	19	3,125,000
111	K194030383	Thái Minh	Tiến	K19403C	Xuất sắc	9.14	91	22	12,500,000
112	K194030353	Lương Ngọc	Hải	K19403C	Xuất sắc	9	91	22	6,250,000
113	K194030352	Đỗ Văn	Dương	K19403C	Giỏi	8.81	93	16	6,250,000
114	K194030354	Trịnh Nguyễn Thu	Hằng	K19403C	Giỏi	8.69	86	24	3,125,000
115	K194030372	Phan Ngọc	Như	K19403C	Giỏi	8.61	96	19	3,125,000
116	K194030386	Lê Ngọc Thùy	Trâm	K19403C	Giỏi	8.61	91	22	3,125,000
117	K194030349	Nguyễn Hồng	Ánh	K19403C	Giỏi	8.54	89	24	3,125,000
118	K194030375	Nguyễn Ngọc Lan	Quỳnh	K19403C	Giỏi	8.53	93	19	3,125,000
119	K194040547	Nguyễn Mai Bích	Ngọc	K19404C	Giỏi	8.6	90	15	12,500,000
120	K194040541	Trương Thị Thùy	Linh	K19404C	Giỏi	8.5	86	15	6,250,000
121	K194040565	Lê Ngọc Quế	Trân	K19404C	Giỏi	8.4	95	15	6,250,000
122	K194040545	Đặng Bảo	Ngân	K19404C	Giỏi	8.4	87	15	3,125,000
123	K194040388	Lê Thị Thúy	An	K19404C	Giỏi	8.4	85	15	3,125,000
124	K194040530	Hồ Thanh	Bình	K19404C	Giỏi	8.38	91	20	3,125,000
125	K194050706	Đào Văn	Nam	K19404C	Giỏi	8.37	87	19	3,125,000
126	K194040556	Đào Phương	Thảo	K19404C	Giỏi	8.3	91	15	3,125,000
127	K194050698	Lê Lý Nhân	Hậu	K19405C	Xuất sắc	9.47	92	18	12,500,000
128	K194050709	Nguyễn Việt	Nghị	K19405C	Giỏi	9.06	85	16	6,250,000
129	K194050715	Nguyễn Lam	Phương	K19405C	Giỏi	8.78	85	16	6,250,000
130	K194050732	Nguyễn Trần Tú	Uyên	K19405C	Giỏi	8.55	91	22	3,125,000
131	K194050708	Bùi Thảo	Ngân	K19405C	Giỏi	8.5	98	21	3,125,000
132	K194050712	Phạm Hồng	Nhung	K19405C	Giỏi	8.38	90	16	3,125,000
133	K194050704	Phạm Thị Mỹ	Linh	K19405C	Giỏi	8.13	84	16	3,125,000
134	K194050699	Hồ Thị Kim	Huệ	K19405C	Giỏi	8.09	88	16	3,125,000
135	K194050703	Lưu Gia	Linh	K19405C	Giỏi	8.05	92	19	3,125,000
136	K194060868	Bùi Nguyễn Bảo	Quỳnh	K19406C	Giỏi	8.9	98	15	12,500,000
137	K194060859	Nguyễn Duy	Nghĩa	K19406C	Giỏi	8.9	85	15	6,250,000
138	K194060858	Nguyễn Thảo	Ngân	K19406C	Giỏi	8.8	87	15	6,250,000
139	K194060849	Phạm Thị Thanh	Hương	K19406C	Giỏi	8.3	94	15	3,125,000
140	K194060865	Nguyễn Mạnh	Quang	K19406C	Giỏi	8.2	90	22	3,125,000
141	K194060845	Nguyễn Thị	Duyên	K19406C	Giỏi	8.2	90	15	3,125,000
142	K194060877	Châu Thị Bích	Trâm	K19406C	Giỏi	8.2	83	15	3,125,000
143	K194060863	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	K19406C	Giỏi	8.18	90	17	3,125,000
144	K194070970	Lê Phan Minh	Hậu	K19407C	Giỏi	8.71	90	21	12,500,000
145	K194070990	Huỳnh Nguyễn Hồng	Phượng	K19407C	Giỏi	8.61	89	27	6,250,000
146	K194070985	Bùi Thị Bích	Ngọc	K19407C	Giỏi	8.57	86	21	6,250,000
147	K194070994	Đinh Huyền	Thắm	K19407C	Giỏi	8.5	91	21	3,125,000
148	K194071000	Lê Trúc	Vi	K19407C	Giỏi	8.5	91	21	3,125,000
149	K194070960	Võ Thị Hoàng	Anh	K19407C	Giỏi	8.5	84	21	3,125,000
150	K194070986	Bạch Võ Hồng	Ngọc	K19407C	Giỏi	8.4	87	15	3,125,000
151	K194071002	Phạm Thị Ngọc	Yến	K19407C	Giỏi	8.4	80	20	3,125,000

45

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
152	K194081139	Mai Nguyễn Khánh	Huyền	K194081C	Xuất sắc	9.2	98	15	12,500,000
153	K194081153	Trần Lê Anh	Ngọc	K194081C	Xuất sắc	9.14	96	21	6,250,000
154	K194081142	Lê Thúc	Khánh	K194081C	Xuất sắc	9.08	97	20	6,250,000
155	K194081141	Phan Thị Ngọc	Hương	K194081C	Giỏi	8.9	98	15	3,125,000
156	K194081144	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	K194081C	Giỏi	8.9	90	15	3,125,000
157	K194081146	Trần Thị Trúc	Lam	K194081C	Giỏi	8.84	88	19	3,125,000
158	K194081148	Lê Gia	Minh	K194081C	Giỏi	8.83	88	20	3,125,000
159	K194081152	Lê Thanh	Ngân	K194081C	Giỏi	8.8	91	15	3,125,000
160	K194081103	Đặng Thanh	Thảo	K194082C	Giỏi	8.91	98	16	12,500,000
161	K194081168	Phan Nguyễn Dạ	Thảo	K194082C	Giỏi	8.7	93	20	6,250,000
162	K194081177	Lê Quốc	Vương	K194082C	Giỏi	8.5	88	15	6,250,000
163	K194070989	Trần Thị Quỳnh	Nhung	K194082C	Giỏi	8.5	87	21	3,125,000
164	K194081175	Nguyễn Huỳnh Cát	Tường	K194082C	Giỏi	8.4	95	15	3,125,000
165	K194081196	Ngô Thu	Thảo	K194082C	Giỏi	8.35	90	17	3,125,000
166	K194081181	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	K194082C	Giỏi	8.29	92	14	3,125,000
167	K194081200	Nguyễn Anh	Thư	K194082C	Giỏi	8.07	88	14	3,125,000
168	K194091354	Nguyễn Long	Thịnh	K19409C	Xuất sắc	9.04	93	14	12,500,000
169	K194091336	Lưu Nhân	Hậu	K19409C	Giỏi	9.09	85	16	6,250,000
170	K194091333	Nguyễn Thị Xuân	Hạnh	K19409C	Giỏi	8.93	92	20	6,250,000
171	K194091357	Đỗ Thị Hoài	Thương	K19409C	Giỏi	8.92	91	19	3,125,000
172	K194091334	Ngô Thị Thu	Hằng	K19409C	Giỏi	8.91	91	23	3,125,000
173	K194091356	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	K19409C	Giỏi	8.88	90	20	3,125,000
174	K194091353	Võ Huỳnh Anh	Thi	K19409C	Giỏi	8.82	93	17	3,125,000
175	K194091344	Lê Hạnh	Nguyên	K19409C	Giỏi	8.74	92	17	3,125,000
176	K194101472	Phan Thu	Ngân	K194101C	Giỏi	8.92	92	18	12,500,000
177	K194101482	Lê Thế	Quỳnh	K194101C	Giỏi	8.83	85	23	6,250,000
178	K194101445	Tạ Thị Ngọc	Anh	K194101C	Giỏi	8.8	86	15	6,250,000
179	K194101476	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	K194101C	Giỏi	8.79	86	21	3,125,000
180	K194101454	Mai Nguyễn Thanh	Hải	K194101C	Giỏi	8.71	91	21	3,125,000
181	K194101450	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	K194101C	Giỏi	8.71	82	21	3,125,000
182	K194101457	Mai Công	Hậu	K194101C	Giỏi	8.67	93	18	3,125,000
183	K194101514	Nguyễn Thúy	Vy	K194102C	Giỏi	9	83	14	12,500,000
184	K194101504	Trần Gia	Huy	K194102C	Giỏi	8.89	90	14	6,250,000
185	K194101489	Lê Thùy	Trang	K194102C	Giỏi	8.74	85	17	6,250,000
186	K194101494	Nguyễn Anh	Tú	K194102C	Giỏi	8.74	85	17	3,125,000
187	K194101483	Phan Lam	Quỳnh	K194102C	Giỏi	8.63	83	19	3,125,000
188	K194101505	Nguyễn Quỳnh	Hương	K194102C	Giỏi	8.58	81	18	3,125,000
189	K194111607	Đặng Tiến	Hưng	K19411C	Giỏi	8.76	93	17	12,500,000
190	K194111626	Huỳnh Ngô Bích	Tâm	K19411C	Giỏi	8.71	83	14	6,250,000
191	K194111633	Nguyễn Thị Hoài	Thương	K19411C	Giỏi	8.68	86	17	6,250,000
192	K194111613	Nguyễn Thanh	Mộng	K19411C	Giỏi	8.57	90	14	3,125,000
193	K194111608	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	K19411C	Giỏi	8.57	85	14	3,125,000
194	K194111637	Nguyễn Thị Như	Tuyết	K19411C	Giỏi	8.54	90	14	3,125,000
195	K194111604	Trần Thị Minh	Hiền	K19411C	Giỏi	8.54	86	14	3,125,000
196	K194111632	Vũ Nguyễn Anh	Thư	K19411C	Giỏi	8.54	81	14	3,125,000
197	K194111619	Nguyễn Thị Nguyên	Nhi	K19411C	Giỏi	8.54	80	14	3,125,000
198	K194141745	Nguyễn Đức Minh	Tấn	K19414C	Giỏi	8.32	91	17	12,500,000
199	K194141737	Bùi Nguyễn Thùy	Như	K19414C	Giỏi	8.24	92	17	6,250,000
200	K194141725	Thái Tuấn	Kha	K19414C	Giỏi	8.18	84	20	6,250,000
201	K194141724	Phạm Quỳnh	Hương	K19414C	Giỏi	8.15	91	17	3,125,000
202	K194141740	Trần Thanh	Phúc	K19414C	Giỏi	8.11	86	23	3,125,000
203	K194141741	Đỗ Thị Lan	Phương	K19414C	Giỏi	8.11	85	19	3,125,000
204	K194141721	Phạm Kim	Hoàng	K19414C	Giỏi	8.09	84	17	3,125,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
205	K194141738	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	K19414C	Giỏi	8	88	17	3,125,000
206	K195011932	Lê Thị Hà	Trang	K19501C	Giỏi	8.55	97	21	12,500,000
207	K195011907	Vũ Thị Ngọc	Bích	K19501C	Giỏi	8.47	92	19	6,250,000
208	K195011935	Trần Phương	Trang	K19501C	Giỏi	8.39	97	22	6,250,000
209	K195011928	Trần Thảo	Quỳnh	K19501C	Giỏi	8.36	86	21	3,125,000
210	K195011913	Nguyễn Xuân	Hoàng	K19501C	Giỏi	8.36	85	22	3,125,000
211	K195011925	Chung Huệ	Quyên	K19501C	Giỏi	8.34	93	19	3,125,000
212	K195011923	Hoàng Thị Yến	Nhung	K19501C	Giỏi	8.27	97	22	3,125,000
213	K195011940	Hà Nguyễn Phương	Uyên	K19501C	Giỏi	8.21	95	19	3,125,000
214	K195022057	Nguyễn Thị Hoài	Phúc	K195021C	Giỏi	8.91	96	17	12,500,000
215	K195022034	Nguyễn Thị Cẩm	Hoàng	K195021C	Giỏi	8.85	92	17	6,250,000
216	K195022058	Võ Giản Quế	Phương	K195021C	Giỏi	8.8	98	20	6,250,000
217	K195022026	Nguyễn Đan	Chi	K195021C	Giỏi	8.8	89	22	3,125,000
218	K195022046	Nguyễn Hoài	Linh	K195021C	Giỏi	8.68	91	20	3,125,000
219	K195022011	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	K195021C	Giỏi	8.65	91	17	3,125,000
220	K195022049	Lưu Thị Ngọc	Loan	K195021C	Giỏi	8.62	91	17	3,125,000
221	K195022072	Dương Minh	Trúc	K195022C	Giỏi	8.72	93	25	12,500,000
222	K195022082	Phạm Minh	Hằng	K195022C	Giỏi	8.68	91	19	6,250,000
223	K195022095	Nguyễn Thủy	Tiên	K195022C	Giỏi	8.61	91	19	6,250,000
224	K195022090	Bùi Trần Kim	Ngọc	K195022C	Giỏi	8.57	90	14	3,125,000
225	K195022094	Trần Anh	Thy	K195022C	Giỏi	8.5	86	23	3,125,000
226	K195022073	Trần Thị Tú	Uyên	K195022C	Giỏi	8.31	92	18	3,125,000
227	K195022088	Lê Quỳnh	Mai	K195022C	Giỏi	8.28	88	20	3,125,000
228	K195032197	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	K19503C	Giỏi	8.68	97	28	12,500,000
229	K195032176	Nguyễn Thị Mỹ	Hên	K19503C	Giỏi	8.24	88	25	6,250,000
230	K195032187	Phan Thu	Ngân	K19503C	Giỏi	8.23	91	20	6,250,000
231	K195032184	Hoàng Ngọc Xuân	Mai	K19503C	Giỏi	8.22	90	18	3,125,000
232	K195032168	Trần Như Minh	Anh	K19503C	Giỏi	8.21	100	24	3,125,000
233	K195032170	Lê Nguyễn Thái	Cơ	K19503C	Giỏi	8.19	86	18	3,125,000
234	K195032193	Đoàn Hữu	Tân	K19503C	Giỏi	8.15	85	20	3,125,000
235	K195032195	Bùi Thanh	Thảo	K19503C	Giỏi	8.13	88	26	3,125,000
236	K195042311	Phạm Ngọc Thảo	Vy	K19504C	Giỏi	8.68	81	22	12,500,000
237	K195042300	Lê Thị Huyền	Thoa	K19504C	Giỏi	8.43	82	22	6,250,000
238	K195042285	Mai Thị Mỹ	Hòa	K19504C	Giỏi	8.4	88	20	6,250,000
239	K195042292	Trần Thị Thúy	Liên	K19504C	Giỏi	8.32	85	17	3,125,000
240	K195042287	Ngô Thị Thu	Hương	K19504C	Giỏi	8.32	81	25	3,125,000
241	K195042280	Cao Anh	Đức	K19504C	Giỏi	8.31	80	18	3,125,000
242	K204010940	Đoàn Phương Linh	Nhi	K20401C	Giỏi	8.8	91	25	13,900,000
243	K204010939	Lê Quang Khai	Nguyên	K20401C	Giỏi	8.78	93	25	6,950,000
244	K204010937	Nguyễn Đình Hoài	Ngọc	K20401C	Giỏi	8.73	91	22	6,950,000
245	K204010931	Nguyễn Yến	Linh	K20401C	Giỏi	8.71	89	17	3,475,000
246	K204010951	Phan Lê Bảo	Uyên	K20401C	Giỏi	8.61	86	19	3,475,000
247	K204010944	Nguyễn Thành	Sang	K20401C	Giỏi	8.59	95	22	3,475,000
248	K204010022	Vũ Hà Tú	Anh	K20401C	Giỏi	8.58	95	26	3,475,000
249	K204010031	Trần Quốc	Thái	K20401C	Giỏi	8.56	85	25	3,475,000
250	K204010023	Nguyễn Trần Bảo	Chi	K20401C	Giỏi	8.54	87	14	3,475,000
251	K204010932	Trần Thị Trúc	Linh	K20401C	Giỏi	8.45	85	22	3,475,000
252	K204020106	Nguyễn Trường	Thịnh	K204021C	Xuất sắc	9.03	93	18	13,900,000
253	K204020093	Phan Trần Mai	Ngân	K204021C	Giỏi	8.82	92	17	6,950,000
254	K204020087	Khổng Khánh	Linh	K204021C	Giỏi	8.8	91	20	6,950,000
255	K204020112	Trần Lê Cẩm	Tú	K204021C	Giỏi	8.72	91	18	3,475,000
256	K204020109	Trần Huỳnh Quỳnh	Trang	K204021C	Giỏi	8.69	93	18	3,475,000
257	K204021000	Cao Văn	Duy	K204021C	Giỏi	8.68	96	20	3,475,000

45

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
258	K204020092	Hà Thị Quỳnh	Nga	K204021C	Giỏi	8.65	94	17	3,475,000
259	K204020072	Hoàng Lê Trâm	Anh	K204021C	Giỏi	8.65	90	17	3,475,000
260	K204020107	Ngô Minh	Thư	K204021C	Giỏi	8.64	94	18	3,475,000
261	K204020098	Phạm Khắc Hưng	Nguyên	K204021C	Giỏi	8.58	97	18	3,475,000
262	K204020133	Lưu Phạm Minh	Phương	K204022C	Giỏi	8.72	86	16	13,900,000
263	K204020130	Lê Thái	Nguyên	K204022C	Giỏi	8.71	93	17	6,950,000
264	K204021007	Trương Bảo	Ngọc	K204022C	Giỏi	8.68	93	17	6,950,000
265	K204021008	Ngô Minh	Nguyên	K204022C	Giỏi	8.65	84	17	3,475,000
266	K204020122	Huỳnh Lê Phương	Hằng	K204022C	Giỏi	8.57	98	14	3,475,000
267	K204020129	Lê Ngọc Bảo	My	K204022C	Giỏi	8.57	92	22	3,475,000
268	K204020123	Lê Bảo	Huyền	K204022C	Giỏi	8.55	95	21	3,475,000
269	K204021018	Lương Hữu	Triển	K204022C	Giỏi	8.53	93	17	3,475,000
270	K204021015	Đoàn Thị Thủy	Trang	K204022C	Giỏi	8.53	90	20	3,475,000
271	K204021019	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	K204022C	Giỏi	8.53	82	17	3,475,000
272	K204031092	Mai Phương	Anh	K20403C	Giỏi	8.78	89	16	13,900,000
273	K204031093	Nguyễn Hoài	Anh	K20403C	Giỏi	8.78	88	16	6,950,000
274	K204031097	Phạm Thị Ngọc	Ánh	K20403C	Giỏi	8.71	97	21	6,950,000
275	K204031119	Hồ Quỳnh	Trang	K20403C	Giỏi	8.45	95	19	3,475,000
276	K204031099	Đinh Sang	Chi	K20403C	Giỏi	8.43	89	22	3,475,000
277	K204031111	Huỳnh Thị Thủy	Nhi	K20403C	Giỏi	8.3	95	15	3,475,000
278	K204031120	Phạm Thị Thủy	Trang	K20403C	Giỏi	8.21	92	19	3,475,000
279	K204031100	Lê Thị Thủy	Dương	K20403C	Giỏi	8.21	85	17	3,475,000
280	K204031125	Lê Nguyễn Quỳnh	Vy	K20403C	Giỏi	8.17	90	18	3,475,000
281	K204040233	Lê Tiến	Thành	K20404C	Xuất sắc	9	91	17	13,900,000
282	K204041254	Lê Minh	Tú	K20404C	Giỏi	8.9	97	15	6,950,000
283	K204041259	Lê Hoàng	Yến	K20404C	Giỏi	8.84	97	19	6,950,000
284	K204041251	Trịnh Ngọc	Tiên	K20404C	Giỏi	8.7	98	15	3,475,000
285	K204040231	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	K20404C	Giỏi	8.69	93	16	3,475,000
286	K204041229	Lê Thu	Hoài	K20404C	Giỏi	8.63	90	16	3,475,000
287	K204040228	Nguyễn Tiến	Lập	K20404C	Giỏi	8.61	92	14	3,475,000
288	K204041233	Nguyễn Việt Hương	Ly	K20404C	Giỏi	8.6	96	15	3,475,000
289	K204041253	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	K20404C	Giỏi	8.57	85	14	3,475,000
290	K204051337	Trần Thị Thanh	Hiếu	K20405C	Xuất sắc	9.17	98	18	13,900,000
291	K204050264	Kiều Nguyễn Gia	Linh	K20405C	Giỏi	8.88	93	20	6,950,000
292	K204051350	Nguyễn Mạnh	Quân	K20405C	Giỏi	8.8	90	20	6,950,000
293	K204051334	Nguyễn Quảng Trà	Giang	K20405C	Giỏi	8.75	88	18	3,475,000
294	K204050262	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	K20405C	Giỏi	8.66	82	16	3,475,000
295	K204051342	Hoàng Ngọc Quỳnh	Lam	K20405C	Giỏi	8.42	89	18	3,475,000
296	K204050270	Trần Mai	Vy	K20405C	Giỏi	8.33	90	18	3,475,000
297	K204050267	Trịnh Nguyễn Yến	Nhi	K20405C	Giỏi	8.33	80	18	3,475,000
298	K204061426	Trần Thanh	Bình	K20406C	Giỏi	8.66	100	22	13,900,000
299	K204061431	Nguyễn Thị Phương	Huyền	K20406C	Giỏi	8.47	86	19	6,950,000
300	K204061436	Lê Thị Minh	Ngân	K20406C	Giỏi	8.45	92	20	6,950,000
301	K204061440	Trần Nhật	Nguyên	K20406C	Giỏi	8.42	93	19	3,475,000
302	K204061439	Võ Hồng	Ngọc	K20406C	Giỏi	8.36	91	22	3,475,000
303	K204061437	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	K20406C	Giỏi	8.34	89	19	3,475,000
304	K204060306	Lưu Như	Quỳnh	K20406C	Giỏi	8.33	90	21	3,475,000
305	K204070342	Huỳnh Thị Phương	Duyên	K20407C	Xuất sắc	9	93	16	13,900,000
306	K204071512	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh	K20407C	Giỏi	8.23	82	20	6,950,000
307	K204071515	Lê Thanh Linh	Thoại	K20407C	Giỏi	8.13	83	20	6,950,000
308	K204070854	Phạm Văn Hoàng	Phi	K20407C	Giỏi	8.08	82	20	3,475,000
309	K204070338	Nguyễn Lê Gia	Bảo	K20407C	Giỏi	8.06	93	17	3,475,000
310	K204071506	Lưu Hoàng	Châu	K20407C	Giỏi	8.03	93	20	3,475,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
311	K204070346	Phạm Thu	Hà	K20407C	Giỏi	8	84	26	3,475,000
312	K204071514	Trương Ngọc	Thảo	K20407C	Khá	7.95	93	20	3,475,000
313	K204080423	Trần Thị Thu	Trang	K20408C	Giỏi	8.68	85	20	13,900,000
314	K204080410	Phạm Ngô Khánh	Ngọc	K20408C	Giỏi	8.6	89	20	6,950,000
315	K204080412	Đỗ Vũ Quỳnh	Nhi	K20408C	Giỏi	8.6	88	20	6,950,000
316	K204080409	Phạm Gia	My	K20408C	Giỏi	8.53	87	20	3,475,000
317	K204080405	Huỳnh Phạm	Khanh	K20408C	Giỏi	8.34	91	25	3,475,000
318	K204081614	Nguyễn Thị Minh	Trang	K20408C	Giỏi	8.28	88	20	3,475,000
319	K204080416	Nguyễn Thành	Phát	K20408C	Giỏi	8.26	93	17	3,475,000
320	K204080406	Nguyễn Trần Dịu	Linh	K20408C	Giỏi	8.25	94	20	3,475,000
321	K204081611	Trần Thanh	Nhã	K20408C	Giỏi	8.25	86	20	3,475,000
322	K204091696	Lê Thị Thảo	Vân	K20409C	Giỏi	8.91	96	16	13,900,000
323	K204090485	Tạ Bùi Vân	Khánh	K20409C	Giỏi	8.78	92	16	6,950,000
324	K204091680	Trần Nguyễn Hồng	Lam	K20409C	Giỏi	8.64	93	14	6,950,000
325	K204090492	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	K20409C	Giỏi	8.63	90	16	3,475,000
326	K204090481	Đào Hoàng	An	K20409C	Giỏi	8.63	86	16	3,475,000
327	K204090487	Phạm Khánh	Linh	K20409C	Giỏi	8.59	92	16	3,475,000
328	K204091687	Nguyễn Kim	Phượng	K20409C	Giỏi	8.57	92	22	3,475,000
329	K204091695	Lê Duy	Tuấn	K20409C	Giỏi	8.53	93	19	3,475,000
330	K204100552	Đoàn Ngô Phương	Thảo	K20410C	Giỏi	8.77	95	15	13,900,000
331	K204101756	Huỳnh Thị Minh	Thư	K20410C	Giỏi	8.68	87	19	6,950,000
332	K204100554	Nguyễn Đắc Quỳnh	Tiên	K20410C	Giỏi	8.61	83	14	6,950,000
333	K204100543	Nguyễn Lâm Ngọc	Hương	K20410C	Giỏi	8.53	93	15	3,475,000
334	K204100548	Võ Ngọc Phương	Nghi	K20410C	Giỏi	8.53	89	15	3,475,000
335	K204101751	Phan Trần	Quốc	K20410C	Giỏi	8.53	81	19	3,475,000
336	K204101746	Vũ Ngọc HoàNg	Lan	K20410C	Giỏi	8.53	80	17	3,475,000
337	K204100538	Huỳnh Kiều	Anh	K20410C	Giỏi	8.5	87	15	3,475,000
338	K204111813	Trần Thị Kiều	Trinh	K20411C	Xuất sắc	9.05	98	21	13,900,000
339	K204111811	Nguyễn Hồ Trung	Tín	K20411C	Giỏi	8.96	85	25	6,950,000
340	K204110605	Nguyễn Thành	Phát	K20411C	Giỏi	8.82	86	17	6,950,000
341	K204111800	Đặng Khánh	Linh	K20411C	Giỏi	8.73	85	20	3,475,000
342	K204111797	Nguyễn Thị Linh	Anh	K20411C	Giỏi	8.67	91	21	3,475,000
343	K204111812	Võ Thị Bích	Trâm	K20411C	Giỏi	8.6	86	20	3,475,000
344	K204111796	Nguyễn Phạm Thùy	Anh	K20411C	Giỏi	8.6	86	15	3,475,000
345	K204110611	Bằng Nhân	Trí	K20411C	Giỏi	8.6	85	21	3,475,000
346	K204110615	Lê Hà Ngọc	Vy	K20411C	Giỏi	8.58	85	20	3,475,000
347	K204131896	Nguyễn Bảo	Thy	K20413C	Giỏi	8.83	88	15	13,900,000
348	K204130637	Lê Tường	Vy	K20413C	Giỏi	8.8	98	15	6,950,000
349	K204131872	Phan Thị Thùy	Duyên	K20413C	Giỏi	8.74	96	17	6,950,000
350	K204131890	Nguyễn Diễm	Quỳnh	K20413C	Giỏi	8.71	93	21	3,475,000
351	K204131876	Lê Trần Mỹ	Hạnh	K20413C	Giỏi	8.68	93	19	3,475,000
352	K204131870	Trần Thị Kim	Anh	K20413C	Giỏi	8.68	91	17	3,475,000
353	K204131887	Nguyễn Hà Như	Phương	K20413C	Giỏi	8.67	95	15	3,475,000
354	K204131895	Nguyễn Thị Minh	Thư	K20413C	Giỏi	8.62	93	17	3,475,000
355	K204141923	Trần Nhật	Nguyên	K20414C	Giỏi	8.5	92	19	13,900,000
356	K204141914	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	K20414C	Giỏi	8.4	84	20	6,950,000
357	K204141929	Lương Thị Mỹ	Tâm	K20414C	Giỏi	8.34	94	19	6,950,000
358	K204141937	Tạ Thị Cẩm	Tú	K20414C	Giỏi	8.18	93	19	3,475,000
359	K204141935	Trần Nguyễn Bảo	Trúc	K20414C	Giỏi	8.16	85	16	3,475,000
360	K204141927	Phạm Thị Kim	Phượng	K20414C	Giỏi	8.11	94	14	3,475,000
361	K204141932	Nguyễn Hiếu	Thông	K20414C	Giỏi	8.06	92	16	3,475,000
362	K204161998	Lê Quang Chấn	Phong	K20416C	Xuất sắc	9.11	93	19	13,900,000
363	K204161988	Lê Chí	Hào	K20416C	Giỏi	8.89	90	23	6,950,000

5

HL

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
364	K204160664	Phạm Nguyễn Bích	Khuyên	K20416C	Giỏi	8.6	91	15	6,950,000
365	K204161994	Nguyễn Ngọc Khôi	Nguyên	K20416C	Giỏi	8.6	90	26	3,475,000
366	K204071522	Võ Thị Phương	Anh	K20416C	Giỏi	8.57	90	29	3,475,000
367	K204162007	Bùi Thu	Vân	K20416C	Giỏi	8.54	85	26	3,475,000
368	K204161997	Nguyễn Trần Minh	Nhật	K20416C	Giỏi	8.41	93	17	3,475,000
369	K204162011	Trần Triệu	Vy	K20416C	Giỏi	8.35	90	17	3,475,000
370	K205012059	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	K20501C	Giỏi	8.86	100	18	13,900,000
371	K205010717	Lê Phương	Thảo	K20501C	Giỏi	8.81	91	18	6,950,000
372	K205010703	Nguyễn Thị An	Bình	K20501C	Giỏi	8.72	98	18	6,950,000
373	K205010705	Phạm Dư Chin	Chang	K20501C	Giỏi	8.69	91	16	3,475,000
374	K205010724	Lâm Uyên	Trần	K20501C	Giỏi	8.65	92	17	3,475,000
375	K205010727	Đào Tường	Vy	K20501C	Giỏi	8.63	90	16	3,475,000
376	K205012060	Nguyễn Thị Loan	Anh	K20501C	Giỏi	8.6	84	15	3,475,000
377	K205010718	Mai Trần Quốc	Thiệu	K20501C	Giỏi	8.53	88	18	3,475,000
378	K205010849	Đoàn Nguyễn Thanh	Vân	K20501C	Giỏi	8.5	93	18	3,475,000
379	K205020787	Văn Lê Thanh	Thảo	K20502C	Xuất sắc	9.34	91	16	13,900,000
380	K205020782	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	K20502C	Xuất sắc	9.17	100	18	6,950,000
381	K205022116	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	K20502C	Giỏi	8.94	90	16	6,950,000
382	K205020795	Nguyễn Thị Lâm	Vy	K20502C	Giỏi	8.91	95	16	3,475,000
383	K205022115	Nguyễn Thanh	Bình	K20502C	Giỏi	8.91	93	16	3,475,000
384	K205020778	Nguyễn Ngọc Tú	Linh	K20502C	Giỏi	8.88	95	16	3,475,000
385	K205020768	Trương Kỳ	Danh	K20502C	Giỏi	8.78	86	18	3,475,000
386	K205020783	Đỗ Bùi Uyên	Nhi	K20502C	Giỏi	8.75	87	16	3,475,000
387	K205022121	Đỗ Thủy	Tiên	K20502C	Giỏi	8.69	94	16	3,475,000
388	K205030819	Nguyễn Phạm Đoàn	Lê	K20503C	Giỏi	8.59	97	16	13,900,000
389	K205032198	Lưu Linh	Nhi	K20503C	Giỏi	8.22	89	18	6,950,000
390	K205032182	Vũ Lê Phương	Anh	K20503C	Giỏi	8.2	96	15	6,950,000
391	K205032199	Mai Lê Tuyết	Nhi	K20503C	Giỏi	8.18	95	20	3,475,000
392	K205030822	Hồ Thị Ngọc	Nhi	K20503C	Giỏi	8.17	95	18	3,475,000
393	K205030821	Lai Khiết	Nghi	K20503C	Giỏi	8.17	85	18	3,475,000
394	K205032195	Bùi Ngọc Uyên	My	K20503C	Giỏi	8.03	83	18	3,475,000
395	K205030817	Huỳnh Ngọc	Bình	K20503C	Khá	7.98	95	20	3,475,000
396	K205042276	Đinh Thị Thanh	Thoa	K20504C	Giỏi	8.5	90	24	13,900,000
397	K205042269	Phan Thu	Ngân	K20504C	Giỏi	8.36	90	18	6,950,000
398	K205042263	Lê Việt	Hà	K20504C	Giỏi	8.31	92	24	6,950,000
399	K205042274	Hồ Ngọc	Quỳnh	K20504C	Giỏi	8.22	83	16	3,475,000
400	K205040844	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	K20504C	Giỏi	8.13	93	16	3,475,000
401	K205042273	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	K20504C	Giỏi	8.11	90	23	3,475,000
402	K214010064	Đỗ Thị Thủy	Tiên	K21401C	Xuất sắc	9.19	93	21	14,900,000
403	K214010071	Đỗ Nguyễn Khánh	Vân	K21401C	Xuất sắc	9.17	95	21	7,450,000
404	K214011423	Lưu Vũ	Bảo	K21401C	Giỏi	8.9	92	21	7,450,000
405	K214010058	Trần Nhật	Tân	K21401C	Giỏi	8.8	90	23	3,725,000
406	K214011431	Phạm Thu	Phương	K21401C	Giỏi	8.76	90	21	3,725,000
407	K214010046	Đỗ Thị Ánh	Dương	K21401C	Giỏi	8.4	87	21	3,725,000
408	K214010043	Lê Trần Thành	An	K21401C	Giỏi	8.3	95	23	3,725,000
409	K214010055	Trần Minh	Nhật	K21401C	Giỏi	8.26	83	21	3,725,000
410	K214011428	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K21401C	Giỏi	8.26	83	21	3,725,000
411	K214010067	Phan Thị Thùy	Trâm	K21401C	Giỏi	8.16	95	16	3,725,000
412	K214011214	Trần Khánh	Nhi	K21401C	Giỏi	8.06	91	18	3,725,000
413	K214020132	Trần Tiểu	My	K214021C	Giỏi	8.91	88	22	14,900,000
414	K214020129	Trần Phương	Linh	K214021C	Giỏi	8.91	88	17	7,450,000
415	K214020120	Lê Nhất	Duyên	K214021C	Giỏi	8.85	96	17	7,450,000
416	K214020152	Lê Nguyễn Bảo	Trần	K214021C	Giỏi	8.85	91	17	3,725,000




STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
417	K214020118	Nguyễn Thị Quang	Cầm	K214021C	Giỏi	8.82	92	22	3,725,000
418	K214020153	Đào Thị Mai	Trinh	K214021C	Giỏi	8.82	92	22	3,725,000
419	K214020122	Nguyễn Đào Mai	Hân	K214021C	Giỏi	8.79	90	21	3,725,000
420	K214020147	Lê Phương	Trang	K214021C	Giỏi	8.76	95	19	3,725,000
421	K214020157	Nguyễn Ngọc Thanh	Vi	K214021C	Giỏi	8.75	90	22	3,725,000
422	K214020139	Nguyễn Hoàng Yến	Như	K214021C	Giỏi	8.71	95	19	3,725,000
423	K214020159	Lương Quỳnh	Anh	K214022C	Giỏi	8.98	91	22	14,900,000
424	K214020160	Nguyễn Thị Kim	Anh	K214022C	Giỏi	8.94	98	24	7,450,000
425	K214020166	Nguyễn Phong	Vinh	K214022C	Giỏi	8.91	93	17	7,450,000
426	K214021487	Trần Thị	Thảo	K214022C	Giỏi	8.9	96	26	3,725,000
427	K214021483	Trần Hoàng Khánh	Ly	K214022C	Giỏi	8.89	97	19	3,725,000
428	K214021229	Bùi Nguyễn Yến	Vy	K214022C	Giỏi	8.88	96	24	3,725,000
429	K214030221	Nguyễn Nhật	Minh	K21403C	Giỏi	8.67	89	21	14,900,000
430	K214030222	Nguyễn Phan Trà	My	K21403C	Giỏi	8.62	89	21	7,450,000
431	K214031561	Vũ Cao Hoàng	Hậu	K21403C	Giỏi	8.62	86	21	7,450,000
432	K214031565	Phạm Việt	Khoa	K21403C	Giỏi	8.4	85	21	3,725,000
433	K214031569	Nguyễn Mai Tuyết	Loan	K21403C	Giỏi	8.38	93	21	3,725,000
434	K214030219	Lương Thị Mỹ	Duyên	K21403C	Giỏi	8.33	96	21	3,725,000
435	K214031581	Phạm Trần Thiên	Trúc	K21403C	Giỏi	8.33	89	21	3,725,000
436	K214041638	Nguyễn Quốc	Việt	K21404C	Giỏi	8.79	98	21	14,900,000
437	K214040301	Trần Ngọc An	Đông	K21404C	Giỏi	8.48	94	21	7,450,000
438	K214040302	Hứa Vũ Ngân	Hà	K21404C	Giỏi	8.34	92	16	7,450,000
439	K214041632	Hồ Thị Hồng	Nhung	K21404C	Giỏi	8.22	90	16	3,725,000
440	K214040306	Trịnh Thu Nguyệt	Minh	K21404C	Giỏi	8.22	85	16	3,725,000
441	K214040317	Lê Thị Tường	Vy	K21404C	Giỏi	8.09	90	16	3,725,000
442	K214040318	Nguyễn Nhật Thảo	Vy	K21404C	Giỏi	8.07	86	23	3,725,000
443	K214051254	Nguyễn Kim	Ngân	K21405C	Giỏi	8.95	80	20	14,900,000
444	K214050369	Phạm Thị Kiều	Oanh	K21405C	Giỏi	8.93	81	20	7,450,000
445	K214050381	Ngô Trần Như	Ý	K21405C	Giỏi	8.88	95	20	7,450,000
446	K214051686	Nguyễn Võ Nhật	Kiều	K21405C	Giỏi	8.85	94	17	3,725,000
447	K214050380	Trần Thảo	Vy	K21405C	Giỏi	8.8	91	20	3,725,000
448	K214050371	Bùi Ngọc	Tân	K21405C	Giỏi	8.76	81	17	3,725,000
449	K214050365	Phạm Thị Anh	Hồng	K21405C	Giỏi	8.75	88	20	3,725,000
450	K214050364	Mai Quỳnh	Anh	K21405C	Giỏi	8.7	91	20	3,725,000
451	K214051683	Lê Thị Thùy	An	K21405C	Giỏi	8.68	80	20	3,725,000
452	K214061268	Phan Ngọc Bảo	Tâm	K21406C	Xuất sắc	9.32	98	25	14,900,000
453	K214060429	Vũ Lưu Hoàng	Lan	K21406C	Xuất sắc	9.24	95	25	7,450,000
454	K214060430	Giả Ngọc Thảo	Ly	K21406C	Xuất sắc	9.16	97	25	7,450,000
455	K214061266	Nguyễn Việt Huỳnh	Nga	K21406C	Giỏi	8.88	89	25	3,725,000
456	K214061754	Lê Thị Vân	Ánh	K21406C	Giỏi	8.78	92	25	3,725,000
457	K214061758	Trương Diễm	Phúc	K21406C	Giỏi	8.76	85	25	3,725,000
458	K214060424	Nguyễn Viết Minh	Đức	K21406C	Giỏi	8.75	83	20	3,725,000
459	K214060445	Nguyễn Thanh Minh	Tú	K21406C	Giỏi	8.74	86	25	3,725,000
460	K214070504	Lê Ngọc Anh	Thư	K21407C	Giỏi	9.08	83	20	14,900,000
461	K214071801	Phan Thị Quỳnh	Như	K21407C	Giỏi	8.8	92	20	7,450,000
462	K214070508	Nguyễn Xuân	Trí	K21407C	Giỏi	8.8	80	15	7,450,000
463	K214071802	Nguyễn Thị Thủy	Oanh	K21407C	Giỏi	8.78	85	20	3,725,000
464	K214070498	Nguyễn Hoàng	Nam	K21407C	Giỏi	8.77	80	15	3,725,000
465	K214071794	Đặng Thị Ngọc	Anh	K21407C	Giỏi	8.75	92	20	3,725,000
466	K214071797	Lâm Văn	Giang	K21407C	Giỏi	8.75	80	20	3,725,000
467	K214081288	Nguyễn Thùy	Dương	K21408C	Xuất sắc	9.09	94	17	14,900,000
468	K214080567	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	K21408C	Xuất sắc	9.07	90	22	7,450,000
469	K214080600	Nguyễn Trúc	Ngân	K21408C	Giỏi	8.95	92	22	7,450,000

5

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
470	K214080581	Nguyễn Thụy Vân	Phi	K21408C	Giỏi	8.95	90	22	3,725,000
471	K214081842	Phùng Thị Thùy	Linh	K21408C	Giỏi	8.95	90	22	3,725,000
472	K214080570	Đào Thị Huỳnh	Hương	K21408C	Giỏi	8.94	85	17	3,725,000
473	K214081845	Lê Nguyễn Phương	Trinh	K21408C	Giỏi	8.82	99	17	3,725,000
474	K214080571	Nguyễn Long Thùy	Hương	K21408C	Giỏi	8.82	91	22	3,725,000
475	K214080564	Nguyễn Quốc Quỳnh	Anh	K21408C	Giỏi	8.76	97	17	3,725,000
476	K214090666	Lê Võ Tường	Vy	K21409C	Xuất sắc	9.15	91	20	14,900,000
477	K214090657	Huỳnh Anh Bảo	Ngọc	K21409C	Xuất sắc	9.1	100	20	7,450,000
478	K214091900	Hồ Hoàng	Nhi	K21409C	Xuất sắc	9.08	99	20	7,450,000
479	K214090656	Trần Võ Khánh	Ngân	K21409C	Xuất sắc	9.03	93	17	3,725,000
480	K214090664	Lương Anh	Tuấn	K21409C	Giỏi	9.05	88	20	3,725,000
481	K214090660	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K21409C	Giỏi	8.93	93	15	3,725,000
482	K214091890	Phạm Thùy	Dung	K21409C	Giỏi	8.88	94	20	3,725,000
483	K214090649	Trần Thị Ngọc	Bích	K21409C	Giỏi	8.85	96	20	3,725,000
484	K214090658	Lù Đỗ Minh	Như	K21409C	Giỏi	8.8	94	15	3,725,000
485	K214090655	Trần Thị Phương	Minh	K21409C	Giỏi	8.8	90	15	3,725,000
486	K214100740	Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	K21410C	Xuất sắc	9.34	94	22	14,900,000
487	K214100750	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	K21410C	Xuất sắc	9.23	91	22	7,450,000
488	K214100757	Trần Thị Ngọc	Thắm	K21410C	Xuất sắc	9.15	94	17	7,450,000
489	K214101311	Dương Huy	Hoàng	K21410C	Xuất sắc	9.09	91	22	3,725,000
490	K214101314	Nguyễn Kim Hoàng	Như	K21410C	Xuất sắc	9.08	91	20	3,725,000
491	K214100746	Lê Thị Minh	Ngọc	K21410C	Xuất sắc	9.05	91	22	3,725,000
492	K214101315	Võ Thị Mai	Quỳnh	K21410C	Xuất sắc	9.03	93	20	3,725,000
493	K214100745	Dương Phương	Ngân	K21410C	Xuất sắc	9	92	20	3,725,000
494	K214100759	Phan Thanh	Tuyền	K21410C	Xuất sắc	9	92	20	3,725,000
495	K214110849	Phạm Vũ Trúc	Quỳnh	K21411C	Xuất sắc	9.08	99	25	14,900,000
496	K214110843	Lâm Mỹ	Ngọc	K21411C	Giỏi	8.88	92	25	7,450,000
497	K214111958	Vũ Tuấn	Kiệt	K21411C	Giỏi	8.82	87	25	7,450,000
498	K214110845	Ngô Huỳnh	Như	K21411C	Giỏi	8.74	92	25	3,725,000
499	K214111962	Lê Quang Thành	Tài	K21411C	Giỏi	8.72	91	27	3,725,000
500	K214111265	LÊ GIA	QUYÊN	K21411C	Giỏi	8.72	91	25	3,725,000
501	K214110832	Trần Trương Ngọc	Hân	K21411C	Giỏi	8.68	90	25	3,725,000
502	K214111324	Trần Anh	Khoa	K21411C	Giỏi	8.68	86	25	3,725,000
503	K214111964	Trần Ngọc Bích	Trần	K21411C	Giỏi	8.66	90	25	3,725,000
504	K214132014	Lê Trần Lê	Ngọc	K21413C	Giỏi	8.9	93	20	14,900,000
505	K214130923	Phan Yến	Nhi	K21413C	Giỏi	8.73	83	20	7,450,000
506	K214132013	Phạm Xuân	Nghi	K21413C	Giỏi	8.61	81	18	7,450,000
507	K214130926	Lê Đức	Sang	K21413C	Giỏi	8.38	95	17	3,725,000
508	K214132023	Lê Thị Kiều	Vy	K21413C	Giỏi	8.35	90	20	3,725,000
509	K214132009	Nguyễn Đức Bảo	Lâm	K21413C	Giỏi	8.24	92	17	3,725,000
510	K214130916	Đoàn Tư	Duy	K21413C	Giỏi	8.2	86	20	3,725,000
511	K214132008	Nguyễn Tuấn	Khanh	K21413C	Giỏi	8.18	100	22	3,725,000
512	K214132007	Nguyễn Ánh	Hương	K21413C	Giỏi	8.12	92	17	3,725,000
513	K214142102	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K21414C	Giỏi	8.65	92	23	14,900,000
514	K214140961	Phạm Duy	Tùng	K21414C	Giỏi	8.63	88	16	7,450,000
515	K214141338	Võ Hưng	Thanh	K21414C	Giỏi	8.62	87	21	7,450,000
516	K214140937	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	K21414C	Giỏi	8.61	91	23	3,725,000
517	K214140949	Văn Hào Thiên	Phú	K21414C	Giỏi	8.58	93	18	3,725,000
518	K214140940	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt	K21414C	Giỏi	8.57	100	23	3,725,000
519	K214140951	Trần Bích	Quân	K21414C	Giỏi	8.54	86	23	3,725,000
520	K214140942	Nguyễn Khánh	Linh	K21414C	Giỏi	8.52	87	21	3,725,000
521	K214142106	Nguyễn Thị Mai	Vàng	K21414C	Giỏi	8.48	90	21	3,725,000
522	K214160989	Trần Thị Minh	Hiền	K21416C	Giỏi	8.85	90	27	14,900,000

45

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
523	K214162143	Trần Hoàng	Anh	K21416C	Giỏi	8.81	90	27	7,450,000
524	K214162155	Nguyễn Phúc	Thịnh	K21416C	Giỏi	8.53	91	20	7,450,000
525	K214162148	Cao Nguyễn Hải	Như	K21416C	Giỏi	8.5	94	22	3,725,000
526	K214160992	Huỳnh Thị Kim	Ngân	K21416C	Giỏi	8.45	94	22	3,725,000
527	K214161372	Lý Vũ Thiên	Ân	K21416C	Giỏi	8.38	91	20	3,725,000
528	K215011056	Trần Thị Nguyệt	Quý	K21501C	Giỏi	8.84	90	19	14,900,000
529	K215011055	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K21501C	Giỏi	8.76	95	19	7,450,000
530	K215011047	Trần Tú	Hào	K21501C	Giỏi	8.58	90	19	7,450,000
531	K215011046	Phan Nguyễn Hoàng	Hải	K21501C	Giỏi	8.53	89	19	3,725,000
532	K215011349	Nguyễn Diễm	Phương	K21501C	Giỏi	8.34	94	19	3,725,000
533	K215011049	Thái Việt	Hưng	K21501C	Giỏi	8.26	92	19	3,725,000
534	K215012199	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K21501C	Giỏi	8.24	95	19	3,725,000
535	K215011348	Nguyễn Thanh	Hà	K21501C	Giỏi	8.24	86	17	3,725,000
536	K215011052	Quách Như	Ngọc	K21501C	Giỏi	8.21	83	19	3,725,000
537	K215021101	Trần Nhật Phi	Nhung	K21502C	Giỏi	8.95	86	19	14,900,000
538	K215021100	Trần Đăng	Nhi	K21502C	Giỏi	8.66	93	19	7,450,000
539	K215022235	Bùi Thúy	An	K21502C	Giỏi	8.58	94	19	7,450,000
540	K215022246	Dương Công Hiếu	Phong	K21502C	Giỏi	8.58	93	19	3,725,000
541	K215021102	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	K21502C	Giỏi	8.55	95	19	3,725,000
542	K215021093	Lương Hải	Huy	K21502C	Giỏi	8.55	83	19	3,725,000
543	K215022242	Lê Thị Kim	Ngân	K21502C	Giỏi	8.47	94	19	3,725,000
544	K215031137	Phạm Khánh	An	K21503C	Giỏi	8.5	83	19	14,900,000
545	K215032305	Võ Thị Tuyết	Quỳnh	K21503C	Giỏi	8.45	90	19	7,450,000
546	K215031146	Hồ Hoàng Thu	Lê	K21503C	Giỏi	8.42	93	18	7,450,000
547	K215031154	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K21503C	Khá	7.94	79	16	3,725,000
548	K215031152	Phan Hoàng Bảo	Ngọc	K21503C	Khá	7.89	80	19	3,725,000
549	K215032292	Huỳnh Thị Kim	Hương	K21503C	Khá	7.88	84	21	3,725,000
550	K215031147	Dương Nguyễn Phi	Long	K21503C	Khá	7.79	79	19	3,725,000
551	K215032297	Nguyễn Hoàng Trang	My	K21503C	Khá	7.69	85	21	3,725,000
552	K215042362	Hồ Nguyễn Kim	Anh	K21504C	Xuất sắc	9.17	93	21	14,900,000
553	K215041199	Lê Nguyễn Ngọc	Khánh	K21504C	Giỏi	8.95	98	21	7,450,000
554	K215041201	Đinh Nguyễn Hạ	Vy	K21504C	Giỏi	8.61	89	19	7,450,000
555	K215042372	Văn Tùng	Mai	K21504C	Giỏi	8.57	90	21	3,725,000
556	K215042365	Lê Gia	Hân	K21504C	Giỏi	8.53	92	19	3,725,000
557	K215042379	Nguyễn Cao Minh	Thoại	K21504C	Giỏi	8.53	80	19	3,725,000

Tổng cộng 557 SV

3,157,350,000

Bảng chữ: Ba tỷ một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỜNG P.CTSV

TRƯỜNG P.KH - TC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Võ Văn Trọng

Lưu Văn Lập

Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)**

Ban hành kèm Quyết định số: 846/QĐ-ĐHKTL ngày 11 tháng 7 năm 2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K194040584	Đặng Huyền	Linh	K19404CA	Giỏi	8.98	93	20	19,500,000
2	K194040589	Cao Hoàng	Nam	K19404CA	Giỏi	8.8	86	20	9,750,000
3	K194040597	Huỳnh Nguyễn Nhật	Quyên	K19404CA	Giỏi	8.68	92	20	9,750,000
4	K194040599	Nguyễn Minh	Thành	K19404CA	Giỏi	8.68	90	20	4,875,000
5	K194040587	Nguyễn Thị Trà	My	K19404CA	Giỏi	8.68	85	20	4,875,000
6	K194040585	Nguyễn Thành	Long	K19404CA	Giỏi	8.6	84	20	4,875,000
7	K194040595	Nguyễn Hà Nam	Phương	K19404CA	Giỏi	8.58	87	20	4,875,000
8	K194050744	Nguyễn Lê Cẩm	Hà	K19405CA	Giỏi	8.75	91	16	19,500,000
9	K194050754	Lê Kim	Minh	K19405CA	Giỏi	8.75	90	16	9,750,000
10	K194050761	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	K19405CA	Giỏi	8.75	86	16	9,750,000
11	K194050762	Phan Huệ	Nhi	K19405CA	Giỏi	8.5	88	16	4,875,000
12	K194050755	Lê Hoàng	Ngân	K19405CA	Giỏi	8.5	86	16	4,875,000
13	K194050749	Phạm Xuân	Hưng	K19405CA	Giỏi	8.43	85	28	4,875,000
14	K194050748	Lê Quốc	Huy	K19405CA	Giỏi	8.25	89	16	4,875,000
15	K194071006	Trịnh Lan	Anh	K19407CA	Giỏi	8.83	88	18	19,500,000
16	K194071029	Nguyễn Nam	Phúc	K19407CA	Giỏi	8.75	91	18	9,750,000
17	K194071039	Võ Thị Tú	Trinh	K19407CA	Giỏi	8.75	85	18	9,750,000
18	K194071004	Nguyễn Phương	Anh	K19407CA	Giỏi	8.58	92	18	4,875,000
19	K194071036	Nguyễn Thị Kim	Thoa	K19407CA	Giỏi	8.58	92	18	4,875,000
20	K194071025	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K19407CA	Giỏi	8.58	89	18	4,875,000
21	K194071016	Nguyễn Thị Như	Hào	K19407CA	Giỏi	8.58	86	18	4,875,000
22	K194081222	Trần Thị Thanh	Ngân	K19408CA	Xuất sắc	9.13	97	16	19,500,000
23	K194081243	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trâm	K19408CA	Xuất sắc	9.13	94	16	9,750,000
24	K194081211	Trần Nguyễn Ngọc	Ánh	K19408CA	Xuất sắc	9.13	91	16	9,750,000
25	K194081221	Mạnh Tú	Khang	K19408CA	Xuất sắc	9.13	91	16	4,875,000
26	K194081214	Vũ Nguyễn Mạnh	Cường	K19408CA	Giỏi	8.88	96	16	4,875,000
27	K194081219	Hà Thế	Hoàng	K19408CA	Giỏi	8.88	87	16	4,875,000
28	K194081242	Đỗ Ngọc Huyền	Trang	K19408CA	Giỏi	8.75	96	16	4,875,000
29	K204041284	Phan Anh	Tuấn	K20404CA	Giỏi	8.8	89	20	23,150,000
30	K204040241	Bùi Quốc	Việt	K20404CA	Giỏi	8.32	89	25	11,575,000
31	K204041271	Phạm Bảo	Linh	K20404CA	Giỏi	8.3	92	20	11,575,000
32	K204041283	Lê Minh	Trần	K20404CA	Giỏi	8.27	90	26	5,787,500
33	K204041282	Trịnh Thụy Ái	Trâm	K20404CA	Giỏi	8.24	96	25	5,787,500
34	K204041281	Trần Trịnh Thu	Thảo	K20404CA	Giỏi	8.21	95	28	5,787,500
35	K204050277	Nguyễn Ngọc	Ninh	K20405CA	Xuất sắc	9.1	90	20	23,150,000
36	K204051372	Phan Triệu	Mẫn	K20405CA	Giỏi	8.9	87	25	11,575,000
37	K204041278	Đặng Thái	Son	K20405CA	Giỏi	8.66	90	25	11,575,000
38	K204051365	Lê Thị Xuân	Diệu	K20405CA	Giỏi	8.1	87	20	5,787,500
39	K204051368	Chu Gia	Hân	K20405CA	Giỏi	8	97	23	5,787,500
40	K204051371	Trần Thị Tú	Huyền	K20405CA	Giỏi	8	93	20	5,787,500
41	K204071523	Nguyễn Yên	Bình	K20407CA	Giỏi	9	80	20	23,150,000
42	K204071539	Trương Thị Minh	Ngọc	K20407CA	Giỏi	8.79	86	24	11,575,000
43	K204071527	Lăng Kim	Hoàng	K20407CA	Giỏi	8.72	87	23	11,575,000
44	K204071551	Đặng Dương Như	Ý	K20407CA	Giỏi	8.63	97	24	5,787,500
45	K204071541	Trần Thị Hồng	Nhung	K20407CA	Giỏi	8.58	89	24	5,787,500

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
46	K204070363	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	K20407CA	Giỏi	8.4	85	20	5,787,500
47	K204071537	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	K20407CA	Giỏi	8.36	90	28	5,787,500
48	K204081622	Nguyễn Minh Đăng	Khoa	K20408CA	Giỏi	8.86	87	22	23,150,000
49	K204081629	Huỳnh Thanh	Uyên	K20408CA	Giỏi	8.8	90	20	11,575,000
50	K204080448	Lê Khánh	Trình	K20408CA	Giỏi	8.6	100	20	11,575,000
51	K204080434	Trần Khánh	Huyền	K20408CA	Giỏi	8.6	91	20	5,787,500
52	K204080455	Trần Thảo	Vy	K20408CA	Giỏi	8.5	87	20	5,787,500
53	K204080429	Trần Thị Hoàng	Dung	K20408CA	Giỏi	8.48	86	23	5,787,500
54	K204080438	Phan Ngọc Nhã	Linh	K20408CA	Giỏi	8.36	81	28	5,787,500
55	K204080451	Lê Phạm Thảo	Vy	K20408CA	Giỏi	8.15	81	23	5,787,500
56	K214020177	Lộc Hà	My	K21402CA	Xuất sắc	9	96	14	23,150,000
57	K214020178	Lê Hồng	Ngọc	K21402CA	Giỏi	9.64	89	14	11,575,000
58	K214021497	Lưu Vũ Khánh	Linh	K21402CA	Giỏi	8.79	96	14	11,575,000
59	K214021494	Phan Thị Thảo	Duyên	K21402CA	Giỏi	8.79	93	14	5,787,500
60	K214021503	Trần Thị Thúy	Quỳnh	K21402CA	Giỏi	8.71	92	14	5,787,500
61	K214040330	Nguyễn Toàn	Nam	K21404CA	Giỏi	8.71	80	14	23,150,000
62	K214041650	Lê Nguyễn Phương	Nghi	K21404CA	Giỏi	8.64	89	14	11,575,000
63	K214041651	Phan Như	Ngọc	K21404CA	Giỏi	8.36	89	14	11,575,000
64	K214040323	Nguyễn Lê Bích	Huyền	K21404CA	Giỏi	8.29	89	14	5,787,500
65	K214040324	Trần Thanh	Huyền	K21404CA	Giỏi	8.14	87	14	5,787,500
66	K214051706	Lê Quỳnh	Anh	K21405CA	Khá	7.93	96	14	11,575,000
67	K214051731	Đoàn Trần Khánh	Vinh	K21405CA	Khá	7.79	81	14	11,575,000
68	K214050386	Nguyễn Ngọc	Nhiên	K21405CA	Khá	7.64	88	14	5,787,500
69	K214050382	Nguyễn Thị Bảo	Châu	K21405CA	Khá	7.64	83	14	5,787,500
70	K214051728	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	K21405CA	Khá	7.57	77	14	5,787,500
71	K214051719	Lương Quỳnh	Như	K21405CA	Khá	7.43	93	14	5,787,500
72	K214051722	Trần Thị	Quỳnh	K21405CA	Khá	7.43	71	14	5,787,500
73	K214071808	Bùi Thị Ngọc	Châm	K21407CA	Giỏi	8.64	90	14	23,150,000
74	K214071277	Huỳnh Thị Hoàng	Thương	K21407CA	Giỏi	8.5	82	14	11,575,000
75	K214070520	Trần Bảo	Ngọc	K21407CA	Giỏi	8.43	90	14	11,575,000
76	K214070514	Đinh Trọng Hiếu	Khang	K21407CA	Giỏi	8.29	83	14	5,787,500
77	K214070516	Đặng Nguyễn Đăng	Khoa	K21407CA	Giỏi	8.29	83	14	5,787,500
78	K214081856	Ngô Thị Mai	Linh	K21408CA	Giỏi	8.93	88	14	23,150,000
79	K214100777	Trần Thị Minh	Tâm	K21408CA	Giỏi	8.93	82	14	11,575,000
80	K214080590	Võ Ngọc	Anh	K21408CA	Giỏi	8.71	92	14	11,575,000
81	K214081858	Lê Thanh	Mai	K21408CA	Giỏi	8.71	92	14	11,575,000
82	K214081860	Nguyễn Thị Hằng	My	K21408CA	Giỏi	8.71	86	14	5,787,500
83	K214080607	Bùi Nữ Phương	Uyên	K21408CA	Giỏi	8.5	93	14	5,787,500
84	K214100776	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	K21410CA	Giỏi	8.93	94	14	23,150,000
85	K214100778	Uông Đức	Thuận	K21410CA	Giỏi	8.64	81	14	11,575,000
86	K214100772	Nguyễn Hoàng Thảo	Ngân	K21410CA	Giỏi	8.57	89	14	11,575,000
87	K214100765	Phạm Trung	Hậu	K21410CA	Giỏi	8.36	83	14	5,787,500
88	K214100766	Quách Quang	Huy	K21410CA	Giỏi	8.21	80	14	5,787,500
89	K214111977	Trần Dương Thanh	Phong	K21411CA	Giỏi	8.67	97	18	23,150,000
90	K214110872	Hoàng Khánh	Vân	K21411CA	Giỏi	8.61	92	18	11,575,000
91	K214111980	Trần Nguyễn Thiên	Vũ	K21411CA	Giỏi	8.22	92	18	11,575,000
92	K214110861	Nguyễn Quốc	Khang	K21411CA	Giỏi	8.22	89	18	5,787,500
93	K214110867	Nguyễn Trương Lợi	Phương	K21411CA	Giỏi	8.11	91	18	5,787,500
94	K214131335	Nguyễn Tiến	Đạt	K21413CA	Giỏi	8.29	87	14	23,150,000
95	K214132038	Mai Ý	Như	K21413CA	Khá	7.86	85	14	11,575,000
96	K214130930	Đoàn Quỳnh	Anh	K21413CA	Khá	7.79	88	14	11,575,000
97	K214132035	Trần Thị Như	Nguyệt	K21413CA	Khá	7.64	86	14	5,787,500
98	K215031165	Hà Thanh	Tuấn	K21503CA	Giỏi	8.08	80	13	23,150,000

Let

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
99	K215031166	Tô Anh	Tuấn	K21503CA	Khá	7.69	93	13	11,575,000
100	K215032325	Bùi Thị Huyền	Trang	K21503CA	Khá	7.69	87	13	11,575,000
101	K215032317	Nguyễn Tô	Nga	K21503CA	Khá	7.62	72	13	5,787,500

Tổng cộng 101 SV

1,021,100,000

Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.CTSV

TRƯỞNG P.KH - TC

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Võ Văn Trọng

Lưu Văn Lập



Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO TĂNG CƯỜNG TIẾNG PHÁP)**

Ban hành kèm Quyết định số: 846/QĐ-ĐHKTL ngày 11 tháng 7 năm 2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K195042317	Lê Trung	Hiếu	K19504CP	Giỏi	8.79	90	19	12,500,000
2	K205040846	Đỗ Thị Nam	Bình	K20504CP	Giỏi	8.61	96	18	13,900,000
3	K205042284	Trương Kim	Hương	K20504CP	Giỏi	8.5	95	17	3,475,000
4	K215041205	Trương Nguyễn	Lê	K21504CP	Khá	7.91	88	16	7,450,000
5	K215042388	Lê Hồng	Châu	K21504CP	Khá	7.34	85	16	7,450,000

Tổng cộng 5 SV

44,775,000

Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.CTSV

TRƯỞNG P.KH - TC

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Võ Văn Trọng

Lưu Văn Lập



Hoàng Công Gia Khánh